

Tác Giả và Tác Phẩm

Hà Thượng Nhân (II)

Tiểu sử

Sinh năm 1919, tại Hà Thượng, Thanh Hóa. Định cư tại California.
Mất ngày 11.10.2011 tại San Jose, California.

Tác phẩm

Thơ Hà Thượng Nhân.



Mục Lục

Hà Thượng Nhân, bảy bước nên thơ – Viên Linh – 2

Tự thuật - 5

Nhật báo Tiền Tuyến và ký giả Lô Răng... - Du Tử Lê – 6

Hai thi sĩ...và Hà Thượng Nhân - Bình Nguyên Lộc - 11

Tình 30 năm – 17

Những chuyện vui với bác Hà Thượng Nhân – Đoàn Thanh Liêm - 19

Nhà thơ không có tác phẩm - Giao Chỉ - 21

Phụ đính:

Chùm thơ Hà Thượng Nhân II

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Hà Thượng Nhân, bảy bước nên thơ Viên Linh

Chiều Thứ Ba, 11 tháng 10, 2011, nhà thơ Hà Thượng Nhân từ trần tại San Jose, California, hưởng thọ 91 tuổi. Bài viết về ông dưới đây đã hoàn tất cách đây gần ba năm, tháng 12, 2008, và ông đã đọc qua.

Hà Thượng Nhân là tên gọi phổ thông nhất của một nhân vật có nhiều danh tính truyền tụng, song điều ấy không lạ trong một đất nước chiến tranh chia cắt suốt hai mươi năm; và trước đó mười năm nữa, từ Liên Khu Tư qua vùng Tề, ngược đường kháng chiến 45 tới Hà Nội hồi cư, rồi từ Hà Nội vào Miền Nam, cuộc đời ông trải qua vô số những thăng trầm, chứng kiến những đổ vỡ và xây dựng ngay ở trung tâm, để thấy rằng “Đền đài miếu vũ ba trò hão.” (Tự Thuật) Dáng người thẳng băng, lưng dài vai rộng, giọng ông lớn, tiếng ông khỏe, ý kiến ông đưa ra thường là độc lập, dứt khoát, không ở cái khoảng nửa tối nửa sáng bao giờ. Ông tham dự vào nhiều vận động khởi đầu của nhiều công tác văn hóa, hay văn hóa chính trị. Khi trẻ thì dạy học trường Dũng Lạc ở Hà Nội, rồi dạy trường đạo Vinh Sơn của Linh Mục Mai, hình như ở Bắc Ninh. Trong kháng chiến bị trưng dụng dạy Trường Thiếu Sinh Quân ở Liên Khu Tư, học trò sau này được biết đến là những Nguyễn Văn Ngân, (phụ tá Tổng Thống Thiệu), nhà thơ Phùng Quán, nhạc sĩ Y Vân,... và tham dự Đại Hội Văn Hóa Văn Nghệ ở Thanh Hóa với Hữu Loan, Trương Tửu, thời Tướng Nguyễn Sơn làm tư lệnh Quân Khu. Ông cũng góp phần rất nhiều trong sự thành lập các cơ cấu chiến tranh chính trị của miền Nam, khi “Nha” Chiến Tranh Tâm Lý mới vồn vện chỉ có 16 (mười sáu) nhân mạng.

Thời Đệ Nhất Cộng Hòa, khoảng 1963, ông làm giám đốc Đài Phát Thanh Quốc Gia. Trong sinh hoạt văn hóa miền Nam, ông được Phủ Quốc Vụ Khanh Văn Hóa mời làm giám khảo bộ môn Thơ của Giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc, cùng với các thi sĩ như Vũ Hoàng Chương, Cao Tiêu, Nguyên Sa, Thanh Tâm Tuyền. Khoảng 1969, khi người viết bài này đang làm thư ký tòa soạn nhật báo Tiền Tuyến của QLVNCH - thì nghe tin Thiếu tá Chủ nhiệm Lê Đình Thạch sắp được thay thế, tân chủ nhiệm là thiếu tá, sau Trung Tá Phạm Xuân Ninh, nhưng cái tên ấy chỉ thấy trên giấy tờ, người ta quen gọi ông là Hà Thượng Nhân, hay Hà Chương Môn hơn. Tôi được làm việc với ông cho tới 1972; thời gian không nhiều nhưng cũng không ít, để biết nhiều hơn về ông.

Trong năm 1971, khi ông và chủ bút cùng đi công du các nước Á Châu, người qua Đại Hàn, người tới Đài Loan, tôi nhận được sự vụ lệnh làm quyền chủ nhiệm, kiêm quyền chủ bút Tiền Tuyến, thay hai ông trong khoảng hơn hai tuần lễ. Bộ Biên Tập cơ hữu lúc đó phần lớn là bạn văn, như Đại Úy Dzur Văn Tâm (Thanh Tâm Tuyền), Huy Vân, Hoài Điệp Tử... và hai dàn chữ typo hơn 30 thợ sắp chữ, các anh hùng hảo hán của giang sơn các “nhà chữ,” rất dữ dội của thế giới in ấn Sài Gòn.

Nhà thơ Hà Thượng Nhân tên thật là Hoàng Trinh, cũng có nơi viết là Nguyễn Sĩ Trinh, người làng Hà Thượng, huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa, bạn học thuở thiếu thời của Hữu Loan, tuy nhà thơ này người huyện Nga Sơn cạnh đó, và lớn hơn ông vài tuổi. Hữu Loan cũng dạy Trường Thiếu Sinh Quân với ông. Ông sinh năm 1920, trưởng thành đi kháng chiến, làm thơ, đi dạy, mãi 1952 mới trở lại vùng Tề (vùng do Quốc gia và Pháp kiểm soát). Lúc ở Hà Nội ông đã có một bài thơ chữ Nho nổi tiếng, được Giám đốc Nha Học Chính Bắc Việt là Phạm Xuân Độ

mời đến văn phòng, khen giỏi, và cho biết “Thủ tướng (Nguyễn Văn Tâm, tức nhà thơ Chính Đạo) khen lắm đó.” Phạm Xuân Độ là cậu của một người bạn ông, nhân đó Hoàng Trinh than rằng vừa về Tê, chưa làm sao xin được thẻ căn cước vùng Quốc Gia. Thấy thế, ông Phạm Xuân Độ dẫn nhà thơ đến Sở Công An Hà Nội, nhận là con nuôi, và đặt tên là Phạm Xuân Ninh.

Năm 1954, Phạm Xuân Ninh di cư vào Sài Gòn, được trưng dụng nhập ngũ với cấp bậc đại úy đồng hóa. Ngay khi được phong cấp bậc, ông soạn thảo một tài liệu gọi là Sơ Thảo Lý Thuyết Chiến Tranh Chính Trị. Ông không ký tên thật, mà ký là Hà Thanh, vì thế, sau này, dân Chiến Tranh Chính Trị gọi ông là “Hà Chương Môn.” Khi được thành lập, Nha Chiến Tranh Tâm Lý đầu tiên chỉ có mười sáu người, do ông Tạ Văn Nho làm giám đốc. Năm 1957 ông được thăng cấp thiếu tá. Lúc ấy Phạm Xuân Ninh là chánh sở Kỹ Thuật của Cục Tâm Lý Chiến do Trung Tá Nguyễn Văn Châu làm cục trưởng, phụ tá có các ông Lê Đình Thạch và nhà văn Nguyễn Ái Lữ. Phần lớn những điều viết ở trên tôi đã tìm thấy trong bản tốc ký ghi chép bằng bút chì trong cuốn lịch để bàn, ngày 8 tháng 10, 2001, qua cuộc nói chuyện điện thoại viễn liên với nhà thơ Hà Thượng Nhân. Ông đã kể với tôi nhiều điều khi được hỏi; nay viết lại, thế nào cũng có những sai sót. (“Đến như trời đất cũng sai lầm,” Hà Thượng Nhân, Cũng Phù Vân!) Một điều đáng kể Hà Chương Môn nói, tôi đã ghi lại: Ông hay đọc cho người khác chép, chứ không tự tay viết. Ông hay đi dự các hội nghị quốc tế nên có khi làm cả mười bài thơ trước - có lần làm đến 24 bài - để ở nhà báo đăng dần, (“Sớm còn tuyết trắng trời Âu, Chiều thoi nắng cháy địa đầu Nam Phi.” HTN, Bài 5, Bên Trời Lặn Đạn.)

Từ thời niên thiếu, chàng Hoàng Trinh đã nổi tiếng là “bảy bước nên thơ.” Chàng tự hào mình không thua gì Tào Thục. Chính chàng kể: “Cách đây (1989) gần sáu chục năm (tức là thập niên '30), tôi có dịp diện kiến Kinh Chỉ tiên sinh. Tôi nhớ lần đó tôi đi theo các bậc đàn anh đến họp tại nhà cụ Ứng Bình ở Vĩ Dạ (Huế), một đêm rằm Trung Thu. Đi theo chứ không phải được mời. Vì vậy tôi phải nói là đi “kê” mới thật là đúng. Đêm ấy cụ Ứng Bình ra đề tài là Trăng Thu, nhưng trong bài thơ tuyệt đối không được có chữ Trăng và chữ Thu. Tuy chỉ đứng xó rợ ở cửa, tôi cũng viết và cũng nộp bài như những bậc đàn anh của mình. Không ngờ bài thơ của tôi trúng giải. Khi xướng danh, cụ Ứng Bình và các cụ nhìn xuống thấy một anh học trò tóc cắt ngắn, mặc áo dài thâm khệp nép đi lên. Người liền đọc đùa hai câu thơ:

Trăm mặt thẹn thua chàng tuổi trẻ,
Một bài cũng đủ gọi Thi-ông.

“Tôi là thanh niên mới lớn nên không biết đủ lễ độ, vội đáp ngay:

Bảy bước dám thua Tào Thục* trước,
Một lời xin gởi tạ tôn ông.

“Cụ Ứng Bình cười và khen là 'Chân thiếu niên thi sĩ.'

“Lúc đi qua chỗ cụ Kinh Chỉ ngồi, cụ vẫy tôi lại và bảo: 'Không chịu thua Tào Thục à? Tào Thục thất bộ thành thi, cháu một bước thành thơ, không thua cũng phải. Nhưng cháu ạ, chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài...' Tôi biết cụ có ý răn dạy và lui ra.”

* Nguyên văn bài thơ Trung Thu của “Tào Thục Việt Nam” như sau:

Sương mỏng manh canh, vắng lặng tờ
Buồn xưa nao động mấy vần thơ.
Rưng rưng mắt lệ chàng mong nhớ
Phơi phới mây xa thiếp hững hờ.
Bến quạnh, lau già người chênh mảng,
Rượu tàn, canh vắng khách bơ vơ.
Lầu cao ai đó nâng rèm trúc,
Hồn lẻ đêm nay có thần thờ.*

Hà Thượng Nhân trước sau là một thi sĩ. Ông làm thơ loại biếm chích các thói hư tật xấu của quan lại, trí thức rởm, trọc phú gian thương kiểu “đàng ngang cung” rất nhiều, nhưng những bài thơ tình cảm, gần thiên nhiên, yêu con người, tin tưởng nồng nàn vào nhân tính, cái đẹp, điều thiện cũng không phải là ít, (“Tóc bù, mắt sáng lũ ta, Niềm tin hừng hực bao la đất trời.” Bài 6, BTLĐ). Bên trời lặn đặng là mấy chữ trong bài thơ dài Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị (772-846), “Cùng một lúa bên trời lặn đặng,” Hà Thượng Nhân dùng làm nhan đề tập thơ của mình, làm trong nhiều giai đoạn: bốn năm ở tù cho tới 1979, và sau đó, những năm bị biệt giam tiếp theo tàn khốc hơn, phi nhân hơn, khiến giọng thơ của ông trở nên phẫn nộ hơn: “Tập 1 có chín bài, tôi viết khi chưa bị biệt giam. Lời thơ vì thế còn tương đối hiền lành. Khởi sự viết Tập 2 thì tôi bị biệt giam. Lời thơ do đó đau buồn và đầy uất hận.” (Trong lời dẫn).

Hà Thượng Nhân hơn người ở tài năng thi phú, bảy bước thành thơ, ông làm thể thơ nào cũng hay, cũng điêu luyện. Hà Thượng Nhân là thi sĩ làm thơ theo đạo người quân tử, như đời sống của ông cho thấy. Ông có thể nghiêm khắc với người đồng tuế, nhưng rất bao dung với các lớp sau. Ông lại rất phóng khoáng, vượt ra ngoài khuôn khổ của giáo điều, cốt đạt tới cái đẹp cái thiện cái thật, kể cả cái thực dụng: làm sao cho được việc, miễn không ra ngoài cái phải đạo. (...”chỉ cốt sao đừng tục.” Tự Thuật)

Một thi sĩ như thế thật hiếm hoi trong thời chiến địa phân tranh và ý thức phân tranh của Việt Nam cuối thế kỷ XX, và sang tới đầu thế kỷ này. Ông hẳn cũng cảm thấy cái lẻ loi, đôi khi lạc lõng của mình, và có lúc băn khoăn, đem cái băn khoăn hỏi người đồng điệu:

Muốn hủ vĩa hỏi thăm người cổ,
Ta là Ai? Ai đó là ta?
Canh khuya vắng tiếng tỳ bà,
Mệnh mông dằng dặc bao la đất trời

Định mở miệng ghen lời chẳng nói,
Nói với ai? Bụng đói tay run.
Hỡi ơi! Mực cạn, bút cùn,
Văn chương nếu rẻ như bùn đã may!

Vốn chẳng sợ chất cay vị đắng,
Thì nắng mưa, mưa nắng sự thường.
Ông làm nổi giá Thịnh Đường,
Liệu tôi góp với văn chương được gì?
(Bên Trời Lặn Đặng, bài 5)

Người viết bài này, tin rằng văn chương rất quý giá, rất mắc mớ, nhà thơ Hà Thượng Nhân đã góp vào Văn Chương Miền Nam, từ những ngày dựng nước Cộng Hòa đầu tiên, 1954, cho tới khi vận hạn, những ngày lưu vong, một nền móng nào đó không bao giờ sụp đổ, trong có chân đạo, thiện đạo, đạo về cái đẹp, những cái “bất năng,” và đạo bằng hữu ở đời, như ông không bao giờ quên trong Cải Cách Ruộng Đất, cha mẹ ông bị cộng sản đầu tở, đêm khuya Hữu Loan bạn ông đã ôm một mo cơm khoai tới thăm hai cụ. Bằng hữu trong thơ ông, bằng hữu xung quanh ông, là nét đặc sắc ai cũng có thể thấy. “Náo thị, u lâm mạc luận, Cổ kim cao hữu năng tầm,” như Hữu Loan từng viết; (Chợ ồn rừng sâu chẳng kể, Xưa rày bạn quý tìm nhau. VL dịch.) Từ bằng hữu, thơ ông lên mây, từ bằng hữu thơ ông vào rừng, từ bằng hữu, thơ ông lưu vong.

Chú thích và Thư mục:

* Góp một vài lời, Hà Thượng Nhân, in trong Thơ Kinh Chỉ, (tr 19-20) do gia đình Bác Sĩ Kinh Chỉ Phan Văn Hy xuất bản chục năm sau húy nhật 100 năm của Phan tiên sinh (1989).

*Tào Thục (192-232), nhà thơ Trung Hoa, con Tào Tháo, nổi tiếng làm thơ nhanh, rất đặc sắc về thể thơ ngũ ngôn.

-Bài này được viết trong khi tác giả có quanh mình một số sách báo cũ, hoặc xem qua, hoặc đọc qua, hoặc có trích dẫn:

-Nói chuyện Điện thoại với Hà Thượng Nhân, Viên Linh, Sổ Tay, 10.2001.

-Bên Trời Lận Đận, Hà Thượng Nhân, ba ấn bản 1992, 1996, 2007, Seal Printing, Bốn Phương.

-Thơ Kinh Chỉ, gia đình BS Phan Văn Hy xuất bản, Hoa Kỳ, khoảng năm 2000.

-Thi Nhân Việt Nam Hiện Đại, Phạm Thanh, Khai Trí, 1960.

-50 Năm Thơ & Người Thơ, Dương Huệ Anh, Thụy Cẩm, Phương Đông, 2007.

-Một Phía Trời Thơ, Thi Đàn Lạc Việt, 1995.

-Lưu Dân Thi Thoại, Diên Nghị, Song Nhị, Cội Nguồn, 2003.

Tự thuật

I

Muốn biết Xuân Ninh người thế nào?
Áo nâu, quần vải, khinh vương hầu.
Sông Trà diệu vợ thuyền Tô Tử,
Đất Bắc ngang tàng đáng trượng phu.
Mãi một nước cờ đêm gió mát, ...
Đùa ba tiệc rượu sáng trăng Thu.
Uống xong ngoảnh lại nhìn ai hỏi:
Đời phụ ta chẳng thế Vũ Hầu? *

II

Mà có tiên cho! Có tục cho!
Vườn đào ngô trúc lối quanh co.
Bạc tiền, cung điện, khôn câu thúc,
Trắng gió, giang hồ chỉ tự do.
Lúc hứng nhớ cuồng dấm đũa bạn,
Khi buồn ngâm lảo mấy câu thơ.

A ha! Đường thể thên thanh rộng,
Cửa động Thiên Thai hé đợi chờ.

Nhật báo Tiền Tuyến và, ký giả Lô Răng / Phan Lạc Phúc Du Tử Lê

Đầu thiên niên kỷ 2000, nhiều độc giả người Việt ở hải ngoại đã tỏ ra thích thú với cuốn bút ký nhan đề “Bạn bè gần xa” của nhà báo Phan Lạc Phúc, do nhà xuất bản Văn Nghệ ở miền Nam Califonira, ấn hành. Ba năm sau, những người yêu lối viết nhẹ nhàng, dí dỏm, và chân tình của tác giả này, lại được nhà Văn Nghệ gửi cuốn thứ hai vào tủ sách gia đình của họ, đó là cuốn “Tuyển tập tạp ghi.”

Sự thực tất cả những bài viết của hai tác phẩm vừa kể, đều là những bài đã được nhà báo Phan Lạc Phúc cho đăng tải từng kỳ trên bán nguyệt san Ngày Nay, ở Houston, Texas; và một số tuần báo xuất bản ở thành phố Sydney, Úc Châu. Nhiều người lần đầu tiên bước vào thế giới văn chương của họ Phan, đã bị hấp lực của những bài “tạp ghi” Phan Lạc Phúc thu hút một cách mạnh mẽ.

Đối với giới làm văn nghệ trước tháng 4, năm 1975 ở quê nhà, ký giả Lô Răng/Phan Lạc Phúc là một nhà báo khá đặc biệt. Tên tuổi của ông gắn liền với nhật báo Tiền Tuyến.

Nếu hành trình của một ký giả nhật báo, thường phải đi qua từng giai đoạn; như từ một phóng viên, người làm tin, hay dịch tin, đi lần tới vai trò thư ký tòa soạn “trang trong,” rồi phụ trách “trang ngoài” trước khi có thể trở thành tổng thư ký rồi, chủ bút, chủ nhiệm... Nhà báo Phan Lạc Phúc khi được mời về cộng tác với nhật báo Tiền Tuyến, nếu tôi nhớ không lầm thì ông không phải đi qua “đoạn đường chiến binh” mà một ký giả thường phải trải qua, như đã lược ghi ở trên. Ngày xưa, thời VNCH nhiều chục năm trước đây, với giới làm nhật báo thì, danh từ “trang trong” là tiếng chỉ những người trách nhiệm sắp xếp, dàn dựng phần bài vở không bị chi phối bởi yếu tố thời gian. Nó có thể vẫn là tin tức, nhưng nhiều phần là ký sự, phóng sự, sưu tầm; hoặc những sáng tác như truyện ngắn, truyện dài... tùy theo quan niệm thiết kế nội dung của chủ nhiệm hay chủ bút mỗi nhật báo.

Người ta cũng dùng thuật ngữ “bài nằm,” để chỉ những bài được sắp chữ sớm, làm đầy những trang trong đó. Nói “trang trong” một nhật báo, đương nhiên mọi người hiểu tương phản với nó là “trang ngoài.”

“Trang ngoài” là trang được hoàn tất sau cùng, với phần tin tức chính trị, thời sự, xã hội quan trọng nhất, nóng bỏng nhất. Hoặc là những điều tra phóng sự mà chỉ riêng tờ báo đó có. Người phụ trách trang ngoài, cũng được gọi chung là thư ký tòa soạn “trang ngoài.” Nó là gương mặt, “thể diện” của tờ báo, nên việc phụ trách “trang ngoài” thường được giao cho một Tổng Thư Ký Tòa Soạn. Ký giả này phải làm việc trực tiếp với chủ bút hay chủ nhiệm, gần như từng giờ, cho tới khi tờ báo được chuyển qua giai đoạn ấn loát.

Thời trước tháng 4, 1975, ở Saigon, giới làm báo cũng như xuất bản còn phải sắp chữ bài vở bằng tay, do nhóm thợ sắp chữ bốc từng mẫu tự để ráp thành 1 chữ. Cho nên một bài báo được xé thành nhiều miếng, chia cho từng người thợ. Nếu không sắp chữ sớm, tới phút chót sẽ không đủ thợ lo cho việc sắp chữ những trang còn lại, tức trang ngoài...

Một nhật báo ở miền Nam Việt Nam xưa, trung bình có 8 trang (cũng có tờ chỉ có 4 trang,) nên thường được chia đôi, đồng đều cho trong và ngoài.

Vì sự nghiệp báo chí của nhà báo Phan Lạc Phúc gắn liền với tờ Tiền Tuyến, nên xin bạn đọc cho phép tôi được ghi lại một cách vắn tắt sự hình thành của tờ báo này; trước khi chúng ta trở

lại với ký giả Lô Răng, bút hiệu chính của nhà báo Phan Lạc Phúc, một nhà báo mà theo tôi, là một trong những nhà báo thuộc loại... “ngoại khổ.”

Theo ghi nhận của một nhân vật có thẩm quyền về những biến cố lớn của cả hai nền Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa miền Nam Việt Nam thì, ngày 19 tháng 6, năm 1965, Quân Đội VNCH chính thức đứng ra nhận lãnh trách nhiệm lịch sử, điều hành đất nước, thay thế chính phủ dân sự, khi đó đang gặp nhiều khó khăn.

Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu được bầu vào vai trò chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, tương đương chức vụ Tổng Thống. Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ là chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, tương đương chức vụ Thủ Tướng.

Năm ngày sau khi thành lập chính phủ, Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ mở cuộc họp báo, công bố quyết định tạm thời đình bản 36 nhật báo, để tân chính quyền duyệt xét lại quy chế báo chí hầu thích ứng với tình hình mới của đất nước.

Trong thời gian không có báo cho dân chúng đọc, chính phủ của Tướng Kỳ cho xuất bản khẩn cấp 2 tờ nhật báo. Tờ thứ nhất tên là “Hậu Phương,” do bộ Thông Tin phụ trách. Tờ thứ hai tên là “Tiền Tuyến,” do Cục Tâm Lý Chiến đảm nhiệm.

Tòa soạn nhật báo Tiền Tuyến được đặt trong vòng rào doanh trại cục Tâm Lý Chiến ở đầu đường Hồng Thập Tự, gần cầu Thị Nghè, Saigon.

Vì tính chất giai đoạn, cấp thời, lại do cục Tâm Lý Chiến đảm trách, nên nhật báo Tiền Tuyến những ngày đầu do Trung Tá ông Vũ Quang (hiện cư ngụ tại thành phố Minnesota,) cục trưởng Cục Tâm Lý Chiến, kiêm giám đốc Nha Tác Động Tâm Lý Chiến thời đó, là người trách nhiệm việc điều hành. Một tuần sau cuộc họp báo vừa kể, khi các nhật báo được ra lại, tờ Hậu Phương của Bộ Thông Tin, chấm dứt nhiệm vụ. Tờ Tiền Tuyến được duy trì. Trở thành nhật báo chuyên nghiệp của tập thể quân đội.

Sau khi tờ Tiền Tuyến trở thành chính thức, Đại Úy Phan Lạc Phúc, khi đó đang phục vụ tại trường Huấn Luyện Căn Bản Chiến Tranh Chính Trị ở đường Lê Thánh Tôn, Saigon, được điều về làm Tiền Tuyến, trong vai trò tổng thư ký tòa soạn với chủ nhiệm là Thiếu Tá Lê Đình Thạch, tức Thạch Lê, chủ bút là Thiếu Tá Phạm Xuân Ninh, tức nhà thơ Hà Thượng Nhân và, thư ký tòa soạn là nhà thơ Hoàng Anh Tuấn.

Năm 1967, khi Thiếu Tá Lê Đình Thạch (1) được cử đi học lớp Chỉ Huy Tham Mưu ở trường Đại Học Quân Sự Đà Lạt (sau cải danh thành Trường Chỉ Huy Tham Mưu) cũng là lúc nhật báo Tiền Tuyến có nhu cầu sắp xếp lại nhân sự, để thích ứng với sự phát triển của tờ báo, thì nhà thơ Hà Thượng Nhân (2) giữ vai trò chủ nhiệm, nhà báo Phan Lạc Phúc, chủ bút, nhà văn Huy Văn (từ phòng Thông Tin Báo Chí đưa qua,) giữ vai trò thư ký tòa soạn thay thế nhà thơ Hoàng Anh Tuấn. Lý do, họ Hoàng được bổ nhiệm làm quản đốc đài phát thanh Đà Lạt. (3)

Vẫn theo ghi nhận của nhân vật thẩm quyền kể trên thì, năm 1969, tòa soạn nhật báo Tiền Tuyến lại trải qua một giai đoạn khác. Tờ báo không còn thuộc cục Tâm Lý Chiến nữa; mà nó được đặt trực thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị; tuy tòa soạn vẫn nằm trong hàng rào doanh trại của cục TLC.

Cũng kể từ thay đổi vừa kể mà, năm 1974 khi Trung Tá Phạm Xuân Ninh (tức nhà thơ Hà Thượng Nhân) về hưu, vai trò chủ nhiệm của ông, được chuyển giao cho Đại Tá Nguyễn Huy Hùng, phụ tá tổng cục trưởng Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị.

Với hơn chín năm liên tục trực tiếp trách nhiệm nội dung nhật báo Tiền Tuyến, từ vai trò tổng thư ký tòa soạn, tới chủ bút, nhà báo Phan Lạc Phúc được coi là người có công đầu trong nỗ lực đưa tờ báo vốn bị nhìn là báo của... quân đội lên ngang tầm với những nhật báo dân sự chuyên nghiệp khác.

Bằng vào uy tín của mình, họ Phan đã thuyết phục được thượng cấp của ông, cho phép ông được vượt ra ngoài “hàng rào kẽm gai,” để đi tới những chân trời khác, hầu có thể cạnh tranh với những cao thủ đồng nghiệp ngoài dân sự.

“Ấn chứng võ công” đầu tiên cho sự nghiệp cuộc đời ký giả của họ Phan là mục “Tạp ghi” xuất hiện lần đầu tiên trên Tiền Tuyến, gần như cùng lúc với sự có mặt của ông, ở tờ báo này.

Chú thích:

(1) Theo tổ chức thời đó, Cục Tâm Lý Chiến (thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị) có nhiều khối. Trong số này, có Khối Kỹ Thuật. Khối Kỹ Thuật gồm nhiều phòng: Phòng Thông Tin Báo Chí, Phòng Điện Ảnh và Truyền Hình Quân Đội, đài phát Quân Đội, và nhật báo Tiền Tuyến... Khi ấy, Thiếu Tá Lê Đình Thạch, bút hiệu Thạch Lê, là trưởng khối Kỹ Thuật. Vì thế, ông được giao trách nhiệm làm chủ nhiệm đầu tiên của báo này.

(2) Nhà thơ Hà Thượng Nhân sinh năm 1920 tại làng Hà Thượng, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Vì lòng yêu nơi chốn ra đời nên ông đã chọn cho mình bút hiệu Hà Thượng Nhân. Ngoài bút hiệu này, ông còn bút hiệu thứ hai, Hoàng Trinh, dùng cho những bài thơ tình. Trước khi bị động viên vào quân đội, ông từng là giáo sư của một số trường trung học tại Saigon. Ông cũng có thời gian giữ chức vụ giám đốc đài phát thanh Quốc Gia. Sau biến cố 30 tháng 4, 1975, ông bị tù cải tạo tới năm 1979 mới được thả. Sau đó, ông cùng gia đình định cư tại Mỹ. Nhà thơ Hà Thượng Nhân hiện cư ngụ tại thành phố San Jose, miền Bắc tiểu bang California.

(3) Nhà thơ Hoàng Anh Tuấn sinh ngày 7 tháng 5, năm 1932, du học ngành điện ảnh tại Pháp. Khởi viết từ những năm đầu thập niên 1950. Ngoài thơ, họ Hoàng còn cộng tác với nhiều nhật báo, tuần báo ở Saigon trong nhiều vai trò khác nhau. Về lãnh vực điện ảnh, trước tháng 4, 1975, Hoàng Anh Tuấn đạo diễn khá nhiều phim. Trong số này, cuốn phim “Xa Lộ Không Đèn” được nhiều người biết đến nhất. Sau thời gian đi tù vì bị khép tội hoạt động chính trị chống nhà nước CSVN, ông cùng gia đình định cư tại Hoa Kỳ năm 1981. Đầu năm 2006, một số thân hữu đã xuất bản thi phẩm “Yêu em Hà Nội và những bài thơ khác” của ông. Nhà thơ Hoàng Anh Tuấn từ trần ngày 1 tháng 9, năm 2006, tại San Jose. Được biết, nhà văn Thu Thuyền, là ái nữ của ông.

Mục “Tạp Ghi” Ký giả Lô Răng, bút hiệu của nhà báo Phan Lạc Phúc, theo tôi một dạng tản văn tổng hợp nhiều thể loại văn xuôi khác nhau.

Nó có thể là dạng tùy bút mà không quá nặng văn chương. Nó có thể là dạng ký sự mà không quá nhiều dữ kiện. Nó cũng có thể được viết dưới dạng kể chuyện, hồi ký. Thậm chí nhận định hay phê bình từ lãnh vực văn chương qua tới chính trị, xã hội,...

Trong một bài tạp ghi, tác giả cũng có thể sử dụng nhiều dạng văn chương cùng một lúc mà, không phải bận tâm về kỹ thuật hoặc trầm trọng hơn, vấn đề tu từ pháp. Điều này tạo sự dễ dàng, thoải mái cho người viết...

Một bài tạp ghi của ký giả Lô Răng/Phan Lạc Phúc, thời nhật báo Tiền Tuyến, theo ghi nhận của tôi, trung bình chứa từ 700 tới 1,000 chữ.

Nó không quá dài để trở thành một bài nghị luận. Nhưng nó cũng không quá ngắn để trở thành một đoạn văn. Và, sau cùng, cốt lõi của một bài “Tạp Ghi” bao giờ cũng chứa đựng một chủ điểm hay một thông điệp nào đó mà, tác giả muốn gửi tới người đọc.

Một người bạn kể với tôi rằng, tới hôm nay, anh vẫn còn cảm thích thú với nội dung một tạp ghi của ký giả Lô Răng. Đó là bài viết về ông Đại Sứ Mỹ Bunker (?) ở Saigon, một buổi chiều mưa ra phi trường Tân Sơn Nhất, đón vợ, cũng là một đại sứ Mỹ ở một quốc gia vùng Đông Nam Á. Ông đại sứ che dù, kiên nhẫn đợi vợ trong nhiều giờ vì máy bay tới trễ do thời tiết xấu.

Từ hình ảnh này, ký giả Lô Răng đã dẫn người đọc trở lại với ca khúc “Em Đến Thăm Anh Một Chiều Mưa” của Tô Vũ, một nhạc sĩ nổi tiếng thời tiền chiến.

Và tác giả kết luận bài tạp ghi của mình rằng, về phương diện tình cảm, nếu đó là một tình yêu chân thành thì dù Đông hay Tây, người ta đều có những cảm thức và hành vi lãng mạn giống nhau, dù ở tuổi nào.

Mục Tạp Ghi của ký giả Lô Răng cũng được rất nhiều độc giả yêu thích qua những bài viết của ông về những trận túc cầu lớn, diễn ra ở miền Nam hay một nơi nào đó, trên thế giới.

Sự kiện này cho thấy, ký giả Lô Răng không chỉ là một nhà báo có công lực thâm hậu về phương diện văn học, nghệ thuật mà ông còn được đánh giá cao về bộ môn túc cầu. Một bộ môn thể thao mà ông từng thú nhận rằng ông đã hâm mộ từ khi còn trẻ.

Bởi vì mục tạp ghi của họ Phan, giống như một sân chơi chung hay, “vùng oanh kích tự do” nên nó đã có được sự tham gia của rất nhiều cây bút. Từ chuyên nghiệp tới... xuân thu nhị kỳ. Từ nhà văn tới ký giả. Từ nhà thơ tới những học giả, trí thức, độc giả, lâu lâu cao hứng, đóng góp một vài cảm nhận bất chợt của họ...

Vẫn theo ghi nhận của tôi, những năm trông nom nhật báo Tiền Tuyến và phụ trách mục Tạp Ghi, người đóng góp nhiều “Tạp Ghi” nhất, cho ký giả Lô Răng, là nhà văn Thanh Tâm Tuyền. Ông là một trong những người bạn văn chương thân thiết của Phan Lạc Phúc. Người thứ hai, cũng thuộc loại sốt sắng góp tạp ghi cho họ Phan, là nhà văn Thảo Trường.

Đặc biệt, một người bạn văn chương cũng thân thiết với họ Phan không kém, là nhà văn Mai Thảo, thì dường như ông không có một “tạp ghi” nào cho bạn. (Hay có mà tôi không được đọc?) Ở mặt khác, vẫn ghi nhận của tôi thì, người nhỏ tuổi nhất, nhưng lại được ký giả Lô Răng thường xuyên “nhường đất” của ông cho anh, chính là nhà báo Nguyễn Chí Khả.

Như tôi biết, chỉ với tác giả Nguyễn Chí Khả (nhiều lắm, thêm là một hai cây bút khác), ngay khi bài tạp ghi của họ được in ra, thay vì phải làm phiếu, đợi giữa hoặc cuối tháng lãnh tiền nhuận bút từ quản lý của ty trị sự thì, Chủ bút Phan Lạc Phúc ưu ái dùng tiền túi của mình, ứng trước nhuận bút cho họ Nguyễn. Phần ông phải đợi tới cuối tháng mới lấy lại được tiền từ quản lý của tờ báo. Nhuận bút tạp ghi thống nhất, đồng đều cho mọi tác giả, khi ấy là 300\$. Số tiền này tương đương với 6 bữa ăn trưa đủ “chất lượng” cho một người, ở Saigon thời đó.

Nguyễn Chí Khả cũng là ký giả trẻ tuổi nhất được nghe họ Phan đọc, phân tích về thơ của những tác giả nổi tiếng từ thời tiền chiến hoặc trong kháng chiến, như Vũ Hoàng Chương, Xuân Diệu, Hồ Dzếnh, Huy Cận, Hoàng Cầm, Hữu Loan,... Nhưng theo nhà báo Nguyễn Chí Khả thì ký giả Lô Răng tỏ ra xúc động hơn cả là, những lúc ông đọc thơ Quang Dũng, người cùng quê Sơn Tây với ông.

Nguyễn Chí Khả nói,

“Tôi có cảm tưởng như những lúc đọc thơ Quang Dũng, ông được sống lại, đắm mình trong không gian Sơn tây của ông. Hay, những lời thơ kia đã mang ông trở lại quê nhà chỉ còn trong ký ức...”

Vẫn theo nhà báo Nguyễn Chí Khả thì, họ Phan thường đọc thơ vào những lúc rảnh rỗi, hoặc cần nghỉ xả hơi sau nhiều giờ làm việc căng thẳng,

“Nhưng, nếu lúc ông đọc thơ mà bên ngoài trời đang mưa thì theo tôi, không còn một khung cảnh nào hợp hơn, thích thú hơn đối với người nghe. Những lúc đó chỉ còn ông với bài thơ. Không còn người nghe. Không còn điều gì khác...”

Tôi không biết sau khi Nguyễn Chí Khả tình nguyện ra Sư Đoàn 2, đóng ở Đà Nẵng để được gần gia đình, anh có còn thì giờ viết “tạp ghi” cho họ Phan nữa hay không? Tôi chỉ nhớ, anh có một thời gian khá dài là quân số của Cục Tâm Lý Chiến. Thoạt đầu, Nguyễn Chí Khả phục vụ

tại phòng Điện Ảnh và Truyền Hình Quân Đội, trong vai trò tương đương với một đạo diễn quân đội. Tới khi xin chuyển qua phòng Thông Tin Báo Chí (gọi tắt là phòng Báo Chí,) anh trở thành một phóng viên chiến trường thuộc loại “mũi nhọn.” Hiểu theo nghĩa anh rất xông xáo và nhạy bén.

Vì phóng viên chạy ngoài của nhật báo Tiền Tuyến rất ít, chỉ đủ cho những sự kiện quan trọng trong phạm vi đô thành Saigon. Nên phần tin tức, phóng sự thuộc 4 vùng chiến thuật, báo Tiền Tuyến trông cậy vào lực lượng phóng viên chiến trường, của phòng Báo Chí. Trước khi có nhật báo Tiền Tuyến, các phóng viên chiến trường đi công tác về, phải viết bài cho một trong hai tờ báo của quân đội là bán nguyệt san Chiến Sĩ Cộng Hòa, hoặc nguyệt san Tiền Phong. Nhưng từ khi có Tiền Tuyến, họ được lệnh nộp bài báo Tiền Tuyến trước nhất vì yếu tố thời gian tính.

Thoạt đầu những phóng sự, bút ký hoặc những tiết mục liên quan tới quân đội gói gọn trong một phụ trang, gọi là “Trang Quân Đội” xuất hiện hàng ngày, trên Tiền Tuyến. Sau đó, do cái nhìn hay do nhu cầu đổi mới (?) của chủ bút Phan Lạc Phúc (hoặc do lệnh từ đâu, tôi không biết), “Trang Quân Đội” được hủy bỏ. Phóng sự, ký sự của các phóng viên chiến trường thuộc phòng tâm lý chiến, cùng tất cả những tin tức liên quan tới chiến sự được “hòa lẫn” cùng những bài vở khác của tờ Tiền Tuyến. Nó không còn là những ốc đảo giữ biển Tiền Tuyến nữa.

Tùy theo mức độ quan trọng hay “ăn khách” mà phóng sự, ký sự chiến trường được “đi” trang nhất hay vào trang 3. Và, Nguyễn Chí Khả cũng lại là người có nhiều phóng sự chiến trường được ký giả Lô Răng chọn đưa ra trang ngoài, hơn bất cứ một phóng viên nào khác. Tuy không có nhiều cơ hội tiếp xúc với đồng nghiệp, những người làm nhật báo cùng thời với mình, nhưng họ Phan được nhiều đồng nghiệp với ông, nể trọng.

Họ nể trọng họ Phan xuyên qua những chuyến công du nước ngoài. Đó là những lần ông có chân trong phái đoàn báo chí, đại diện làng báo miền Nam Việt Nam, viếng thăm hay, tham dự những buổi họp báo chung, sau những cuộc họp thượng đỉnh đây đó.

Trong những sinh hoạt như thế, họ Phan luôn là người nêu những câu hỏi sâu sắc, chứng tỏ sự hiểu biết thấu đáo về những sự kiện lớn của chính trường.

Một nhà báo từng đi chung với ký giả Lô Răng/Phan Lạc Phúc trong những chuyến xuất ngoại cho rằng, sở dĩ họ Phan có được những câu hỏi khiến người được hỏi phải ngạc nhiên, phải cân nhắc trước khi trả lời, vì căn bản ông có một kiến thức sâu rộng, tích lũy từ những năm tháng đọc và nghiên cứu sách vở ở nhiều lãnh vực khác nhau. Ông cũng lại là người có khả năng ngoại ngữ vững vàng, nên cập nhật được một cách nhanh chóng và chính xác những diễn biến vừa mới xảy ra, thông qua hai nguồn tài liệu Anh và Pháp ngữ.

Vẫn theo nhân vật vừa kể thì, Lô Răng/Phan Lạc Phúc (4) là một trong những nhà báo đáng trân trọng của sinh hoạt làng báo miền Nam Việt Nam, 20 năm.

Riêng tôi, tôi không biết nhật báo Tiền Tuyến nên cảm ơn phần đóng góp đáng kể của họ Phan? Hay, họ Phan nên cảm ơn báo Tiền Tuyến?

Vì, nhờ nhật báo này, mà ông có cơ hội “lùng lửng” bước vào nghề báo. Để bây giờ, nhìn lại, như một kỷ niệm. Một kỷ niệm thân yêu và cũng buồn bã, theo tôi.

Chú thích:

(4) Theo tiểu sử được ghi nhận bởi trang mạng bách khoa toàn thư mở Wikipedia thì nhà báo Phan Lạc Phúc sinh năm 1928 tại làng Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây. Cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Bị tù cải tạo cộng sản từ 1975 đến 1985, ông hiện định cư tại Sydney, Australia từ năm 1991. Ngoài bút hiệu Lô Răng, ông còn các bút hiệu khác như: Thiên Khải, Tường Huân, Huy Quân, Thiên Chương,...

Ông có hai tác phẩm được xuất bản trong vòng 10 năm qua là: “Bạn Bè Gần Xa”, bút ký, Văn Nghệ, Hoa Kỳ, Xb năm 2000. (Tái bản tại Úc Châu năm 2001.) Và “Tuyển Tập Tạp Ghi”, Văn Nghệ, Hoa Kỳ (Xb năm 2003).

Hai thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp và Hà Thượng Nhân Bình Nguyễn Lộc

Kể viết bài này chưa có thì giờ để thảo hồi ký. Và có thể chẳng bao giờ thảo ra cũng nên, vì từ thần có thể mau chơn hơn. Mặc dầu vậy, những bài sau đây, cũng cứ là hồi ký phần nào, nhưng chỉ được hạn chế trong vòng liên hệ giữa thuật giả và làng văn nghệ với lại làng báo mà thôi. Nếu may ra không chết gấp, thuật giả sẽ cứ viết mãi, và bấy giờ sẽ nói đến những chuyện ở ngoài làng, chuyên từ lên sáu cho đến ngày nay, và tập hồi ký đó sẽ mang tên khác là "Nếu tôi nhớ kỹ".

Hồi còn thanh xuân, tôi chuyên môn viết thơ cho các nhà văn, nhà thơ mà tôi phục tào. Viết lu bù, viết tối ngày không biết mỏi. Tôi cứ tưởng chỉ có một mình tôi là làm như vậy thôi. Không dè lớn lên, tôi làm văn thì cũng nhận được lu bù thơ, đa số cũng là của tuổi trẻ viết. Cuộc đời cứ vùn xoay, lớp sau, chẳng khác lớp trước đáng kể.

Viết thì nhiều, mà nhận được chẳng bao nhiêu. Mình viết một bức thơ thường, chưa ra hồn, thì ai thêm phúc đáp thơ mình. Tôi chỉ nhớ có ba người mà tôi gởi thơ dai dẳng. Người thứ nhất là Nguyễn Tuân. Ông ấy không bao giờ trả lời tôi cả. Người thứ nhì là Nhất Linh. Ông chỉ đáp có một bức thôi, mà lời lẽ có vẻ đùa cợt, chế giễu tôi. Không dè bao nhiêu năm sau, chính ông ấy lại phải viết thơ cho tôi trước. Người thứ ba thì trả lời đều đều, ban đầu chỉ đủ lịch sự thôi, nhưng càng ngày càng thân mật, mặc dầu thuở ấy tôi vẫn cứ còn ở trong bóng tối của đời công chức tập sự. Người này cùng tuổi với tôi, chớ không phải cao niên hơn tôi như Nguyễn Tuân và Nhất Linh. Có lẽ vì thế mà anh ấy dễ thông cảm với tôi chăng? Mặc dầu còn trẻ như tôi, nhưng anh ấy đã vang danh rồi. Đó là nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp, tác giả tập thơ bất hủ "Ngày xưa".

Một nhà thơ đã nổi danh mà bằng lòng làm bạn hàm thụ với một ký toán-viên tối tăm của Ngân Khố Sài Gòn thì thật là chuyện hy hữu vậy. Trong thời thơ ấu từ qua lại, thì tôi nỗ lực tập viết văn xuôi và làm thơ, thường thì là thơ hơi hơi tự do mà tôi chạy theo phong trào Phong Hóa. Thân hoặc vì bị nhiễm thơ luật, tôi cũng làm thơ luật, nhưng sẵn sàng bất kể niêm luật, mãi cho đến già, khiến anh Bằng Bá Lân rất lấy làm bực mình. Nhưng tôi cứ mặc kệ họ Bằng. Tôi có quyết tâm làm thơ luật hồi nào đâu kia chớ? Tại rủi ro bị nhiễm thơ luật, tôi buột tay viết ra hơi giông giống thơ luật vậy thôi, bắt bẻ tôi sao được.

Nhưng Nguyễn Nhược Pháp bỗng thành linh qua đời. Thật là quá sớm. Và tôi mất một người bạn. Anh ấy qua đời chưa được bao lâu thì tôi có văn xuôi xuất hiện trên mặt báo ở Sài Gòn. Khi đọc lại bài văn đầu tay, được in trên giấy, tôi bùi ngùi nhớ đến người bạn văn số, người ấy đã khuyên tôi nỗ lực. Tôi đã nỗ lực, giờ có chút ít kết quả rồi thì người ấy lại không còn nữa, để mà thấy tôi không phụ lòng ai? Tôi xúc động quá, lấy bút viết ra ngay bài thơ dưới đây, bị bỏ quên từ 43 năm nay, trong tủ của tôi mà giấy má chong chát vô trật tự.

Trong cái tháng mà tôi đoán biết rằng tôi sắp lên đường ly hương, tôi xốc xáo tất cả giấy tờ cũ, vì nhiều mục đích. Tôi gặp lại bài thơ bỏ quên này, khiến tôi ngồi đó mà hồn đi vắng hằng giờ. Những hồn ma cũ lữ lượt lướt qua trong trí tôi, trong lòng tôi. Một thời quá khứ, một thời xuân trẻ đã qua, chẳng bao giờ trở lại cả. Hồn người xưa đâu rồi? Nhưng tại sao tôi lại bỏ quên bài thơ này? Tôi rất ít cho đăng thơ trên các báo Sài Gòn. Thỉnh thoảng, có dịp gởi Bách Khoa và

Vấn vài bài lấy lệ thôi. Bài thơ này, lại chẳng hay, mặc dầu tôi quý nó lắm. Tôi cất nó thật kỹ, kỹ quá, đến nỗi quên mất nó. Và trước khi đốt bỏ vì không mang theo được, tôi học thuộc lòng, nay chép lại đây, gọi là tưởng nhớ linh hồn một thi hữu vấn số vậy:

VỚI HỒN NGUYỄN NHƯỢC PHÁP

*Anh và tôi đều sanh cùng rằm
Ta trưởng thành, anh nổi tiếng tăm,
Tôi thì chỉ bắt đầu tập viết,
Thình thoảng làm gan gỏi thơ thăm.*

*Đồng niên, tôi mặc cảm học trò,
Ham chương mặt báo, lại cứ lo...
Anh cười, anh chế vấn thơ dở,
Tác phẩm xong rồi, giữ bo bo.*

*Sao anh vụt chết ? Dốt lý do...
... Tôi đành cởi bỏ áo học trò,
Múa lia ngòi bút cùn công chức,
Mơ hão tiếp lời thi sĩ to.*

*Rồi những gì xảy ra sau đó
Chúng đi qua, anh không được rõ
Nơi nơi, chiến tranh bắt đầu nổ
Hơn Đông Chu thịt rơi máu đổ.*

*Tôi làm văn thơ, anh chẳng hay
Tôi qua trăm đắng với ngàn cay
Anh thành thơ, Niết Bàn, tiên cảnh
Tôi khóc thì anh lại cười dài.*

*Ngày nay và mãi mãi về sau,
Người đời ngâm vịnh, hát nghêu ngao:
Chùa Hương cô gái nhiều mơ mộng ¹
Với chuyện Thủy Tinh huyệt vợ giàu ²*

*Nếu có linh hồn anh ở đâu ?
Xin về báo mộng kẻ đi sau.
Đi xa ? Đi gần ? Xin cho biết
Để tớ dùng chơn hoặc vụt lao.*

*Anh chỉ làm một lập thơ thôi
Sợ tủi lòng ai đã lánh đời
Tôi xin cũng một tập thơ nhé
Để dành chất xám hiến văn xuôi.*

*Tập thơ anh mỏng, tôi sẽ dày
Mỏng, dày chẳng phải là thơ hay
Miễn sao tả được lòng hai đứa
Anh mến "Ngày Xưa", tôi yêu Nay*

*Đôi ta có khác điều này đây
Nhưng cũng gặp nhau cách tỏ bày.
Cả hai hoài cổ rồi khúc khích,
Khóc chơi chốc lát tỉnh mộng ngay*

*Âm dương đôi ngã hỏi người xa
Nhớ anh tôi quyết viết nhiều ra
Bên kia thế giới dù anh điếc
Anh cũng phải nghe Lộc-ba-hoa.*

*Vĩnh biệt từ đây thi hữu ma!
Ngậm cầm làm việc tới khi già
Diêm đài, anh chắc không thất vọng
Ai hiểu nhau bằng đó với ta.*

Khi đốt mấy tờ giấy đã ngã màu vàng, tôi nghe như là mình hủy diệt cả quá khứ của chính mình, mặc dầu bài thơ chỉ xoàng thôi. Chưa chắc gì khi sang tới xứ người, óc của tôi đủ khả năng trả lại cho bút của tôi những gì mà bút ấy cần sao chép lại. Vậy là có thể mất hết, mất luôn cho đến mãi mãi "Người xưa lưu luyến ra sao nhỉ ? Có giống như mình lưu luyến chăng ?" Bốn mươi ba năm đã qua ra, Nguyễn Nhược Pháp ơi, nhưng sao tớ cứ nghe như là mới hôm qua đây thôi, tớ còn vui mừng cầm một bức thơ Hà nội mà chưa dám xé ra đọc. Đó là thời sung sướng nhất của chúng ta và của bao người khác. Những ánh tuyết của ngày xưa đã tan hết rồi, nhưng nó biến thành nước và tớ nghe như đâu đây vắng lên tiếng sơn khô róc rách, reo vui mà cũng hạ giọng trầm buồn. Cái thời thập niên ba mươi mà văn thơ của ta lên cao chưa từng thấy đó, với đồng đảo nhà văn nhà thơ trong ấy, mà ngày nay hơn hai phần ba đã ra ma cả rồi, còn sót lại những cây bút già nua, tiếc nhớ người cũ một cách hoài công. Vĩnh biệt dĩ vãng!

Bài Thơ nửa bước

Đêm ấy, ông Đinh Văn Khai, chủ nhơn của nhật báo Tiếng Chuông đãi tiệc. Nói đãi tiệc thì hơi quá đáng, mặc dầu bữa ăn đêm đó, cũng là ăn ở cao lâu to có ca nhạc. Dân miền Nam ham nhậu, thì ai có tiền thì thỉnh thoảng mời bạn hữu và thân hữu nhậu nhẹt, tất cả đều không cần ăn, chỉ ham uống và ham nói thôi. Thằng nào mà không tiền như bọn tôi thì được mời, đôi khi lại bị mời nữa, vào tháng chạp ta là bị mời đấy, vì các ông có tiền họ thay phiên nhau mà mời tất niên từ đầu tháng chạp đến hăm bảy tháng chạp, mãi rồi thằng nào cũng phải trốn hết, vì đã ngấy tới cổ.

Khách không đông lắm, trong bữa ăn đó. Chắc chỉ có bốn mươi tám người thôi. Đây là nói phóng mạng, dựa vào lệ mỗi bàn mười hai người. Bốn bàn ăn, được 48 người. Nhưng chắc cũng có người đau ốm, hay trốn vì lẽ gì đó.

Ông bạn Ch. giữa bữa ăn nói lớn cho cả bốn bàn đều nghe:

- Đêm nay ở đây có một thi sĩ lớn nhất thế giới, ta nên yêu cầu thi sĩ trở tài vậy.

Người ta đưa mắt rảo quanh coi nhà thơ to ấy là ai ? Rất là khó biết. Đến ba nhà thơ có mặt, nhưng xem ra thì họ chẳng lớn bao nhiêu, không lớn trong nước Việt Nam nữa, mà nói lớn nhất thế giới thì rất khả nghi. Hơn thế có một nhà thơ bị một số anh em không nhìn nhận là nhà thơ. Đó là ông nhà binh Hà Thượng Nhân. Ông quan quân sự này được mời, không phải với tư cách sĩ quan, mà với tư cách nhà thơ. Như vậy thì đã chết ai đâu nào, thế mà có người lại xâm xì. Ông ấy biết làm thơ thì gọi ông ấy là nhà thơ, đâu có sai hời nào. Tại sao cứ đòi thơ phải

như thế này, phải như thế khác, ở một nơi hoàn toàn không phải là trường thơ thi phú.

- Thi bá đó ai ? Một thực khách hỏi.

- Tôi đã trót nói là lớn như thế giới nên ông ấy sẽ không bao giờ ra mặt đâu, phải chỉ ông ấy mới được.

- Yêu cầu chỉ.

Người bị chỉ, chính là Hà Thượng Nhân.

Ai cũng mỉm cười. Hà thi sĩ mỉm cười vì không lẽ lại khóc. Bọn khác mỉm cười là tức cười ông bạn Ch. Ông này có một anh con trai đi lính. Ông nhà thơ thì là sĩ quan cao cấp, nhưng mà là sĩ quan ở Sài Gòn, chứ không phải ở mặt trận. Nếu con trai của ông bạn Ch. mà được làm cận vệ của Hà thi sĩ thì tuyệt, khỏi đeo ba lô để trèo đèo lội suối. Người ta mỉm cười mà nghĩ ngay đến mục đích bốc thơm của ông Ch.

- Như thế giới thật hả ? Một tân khách hỏi. Xin giới thiệu thêm.

- Ông ấy làm thơ nhanh hơn Tào Thục. Tào Thục phải đi bảy bước mà chỉ làm được có một bài thơ bốn câu. Thi sĩ của tôi mà đi bảy bước thì thơ sẽ dài hơn nhiều.

- Vậy, âm nhạc yêu cầu đây. Xin Hà tiên sinh gieo vần.

Hà Thượng Nhân cứ ngồi cười, không nói năng gì hết. Ký giả Nguyễn Kiên Giang đã hơi có chén, nói: "Ông ấy mỉm cười, tức là Em chả rồi đó. Yêu cầu ông anh xuất khẩu vậy." Nhưng một thực khách già, và có lẽ cũng đã có chén phần nào, đặt ra trò dè dặt. Ông ấy bảo: "Chưa được. Nhà thơ có thể ăn gian, làm trước vài chục bài, giờ ta xin nghe, nhà thơ sẽ cho bằng cát sét chạy, thơ sẽ ra lu bù, thì ta làm sao biết có nhanh bằng Tào Thục hay không ?"

Rất nhiều người tán thành cái ý hay này. Nhưng khi ai đó đề nghị cụ thể kiểm soát thi nhân, thì chẳng có ma nào nghĩ được cách kiểm soát hết. Ký giả Việt Nhân nói: "Ta chỉ biết có ta thôi thì sao được. Phải có sự đồng ý của Hà Đại Nhân mới được chứ." Rồi ông bạn ký giả này nói lớn cho mọi người nghe, nhưng chỉ mới riêng với Hà Thượng Nhân: "Tiểu đệ xin tiên sinh nhận lời: Bảy lâu nay nghe tiếng cũng từng khao khát...". Tôi (B.N.L.) đề nghị: "Hà thi nhân sẽ nhận, tôi tin như vậy, nhưng các anh lại đòi kiểm soát mà không đưa ra giải pháp, thì ai sẽ nhận ? Xin đề nghị lối này: mỗi người trong chúng ta sẽ nói lên một tiếng rồi thì Hà thi nhân sẽ làm một câu thơ trong đó có tiếng ấy. Tôi chờ đợi ý kiến của nhà thơ". Bảy giờ Hà Thượng Nhân mới mở lời: "Thôi thì cũng được. Kiểm soát bằng lối ấy, cũng khá hay". Tiếng vỗ tay nổi lên như pháo Tết. Không ai dè ông thi sĩ này lại dám nhận một điều kiện vô cùng khắt khe đến thế.

Ký giả Nguyễn Kiên Giang bắn tiếng súng đầu: "Tôi xướng đây. Xin lấy tên khỏ chủ đêm nay làm đầu đề cho câu thơ đầu. Xin xướng: Đinh Văn Khai."

Im lặng hoàn toàn. Chỉ trong chớp mắt thôi. Nhà thơ nói to:

Ông Khai mở tiệc

"Ồ... ồ... ồ... đó là tiếng kêu phản đối. Ai đó, nói rõ to ra:

- Làm thơ như vậy thì quá dễ, ai làm chẳng được. Thơ gì mà: "Ông Khai mở tiệc" ?

Ký giả Việt Nhân: "Xuyt! Im. Thi nhân muốn nói cái gì kia". Quả thật thi sĩ nói chậm rãi, điềm đạm: "Đành rằng câu đầu: "Ông Khai mở tiệc" chẳng hay ho gì hết. Nhưng xin đợi xem các câu sau có dính líu gì đến câu đầu hay chẳng. Nếu dính được thì có lẽ tạm chấp nhận được chớ. Có phải thơ hay không này. Thử hỏi câu đầu của nào Tào Thợc "Củ đậu chụm nấu đậu", nếu đứng riêng một mình nó, có hay gì chẳng?"

Vỗ tay tán thưởng. Nguyễn Kiên Giang lại hét to: Trường Sơn ! Trường Sơn là bút hiệu của một ký giả hiện có mặt. Nhanh như cắt Hà Thượng Nhân làm câu thơ thứ nhì:

Sơn hải đủ mùi

Thiên hạ lại nhao nhao phản đối. Họ nói: "Ở đây chỉ có Hải mà không có Sơn thì dường cái ý "Sơn trầm hải vị" là không ổn ? Bào ngư thuộc về Hải, Vi cá cũng thế. Nhưng chấp nhận câu thơ này".

Nhưng Hà Thượng Nhân lại bình tĩnh trả lời: "Món yến xào lấy tốt đỉnh núi đá cao xuống, nếu không phải là Sơn thì là gì ?" Im lặng giây lát rồi thì đa số tán thành. Nguyễn Kiên Giang lại xướng: Nguyễn Ang Ca. Đó là bút hiệu của ký giả Nguyễn Ang Ca. Còn nhanh hơn lúc nãy nữa, Hà Thượng Nhân nói ngay tức khắc:

Ca hát. Vui tươi

Lại phản đối. Họ nói: "Các cô ca sĩ từ nãy đến giờ, ca toàn các điệu buồn, vậy không có việc vui tươi được". Nhưng ký giả Việt Nhân bình vực thi sĩ: "Chấp nhận được. Đúng là ca sĩ chỉ ca nhạc buồn. Nhưng ta có nghe ca sĩ đâu. Ta chỉ nghe ta thôi. Và không khí ở đây quá vui tươi thật sự." Lại tán thành và đây là tán thành Việt Nhân chớ không phải tán thành Hà Thượng Nhân. Nguyễn Ang Ca lên tiếng hỏi: "Nãy giờ có ai ghi chú gì hay không để xem coi các câu thơ ấy có dính lại hay chẳng về ý tứ", hay là một câu đi đường anh, câu khác đi đường tôi" Ai đó, đọc to lên:

Ông Khai mở tiệc

Sơn hải đủ mùi

Ca hát vui tươi

- Được, và tốt lắm. Ông Đinh Văn Khai phê. Tất cả đều dính lại chặt chẽ với nhau. Câu thứ nhì và thứ ba, tả không khí bữa tiệc, thì cũng được lắm đó chớ.

Đến phiên tôi xướng: Hà Thượng Nhân! Và thơ ta tức khắc quả là xuất khẩu thành thi:

Hồng Hà đỏ rực

Nguyễn Kiên Giang bắt bẻ: "Làm gì có sông Hồng Hà ở đây cha nội". Ký giả Việt Nhân giải thích: "Hà là ráng chiều. Ráng chiều là mây chiều bị mặt trời nhuộm đỏ. Được và hay: Cái tiếng xướng là Hà Thượng Nhân là một tiếng xướng khó. Nhưng thi sĩ đã làm tròn nhiệm vụ."

- Nhưng cũng đâu có ráng ở đây ? Ai đó lại bắt bẻ.

Việt Nhân chỉ tay vào tấm tường ở đằng xa. Đây là cao lầu Tàu. Tường không treo tranh, nhưng một họa sĩ vô danh nào đó đã vẽ lên tường cảnh "ngũ sắc tường vân". Có ráng vàng, có ráng đỏ. Vậy quả có Ráng hồng đỏ rực thật sự. Ông Đinh Văn Khai lại phê:

- Cả bốn đều tả khí hậu bữa tiệc. Cũng hay đó chứ.

Nguyễn Ang Ca xướng: Bình Nguyên Lộc. Thơ ra ngay:

Lộc nhung rượu cúc

- Rượu cúc là rượu gì ? Ai đó hỏi.

Hà Thượng Nhân trở chai rượu Tàu trên bàn.

- Nhưng sao lại lộc nhung ?

- Nhung là sừng nai non, mà ta cũng gọi là lộc nhung. Trong rượu này, họ có thêm hai chất: Sâm và Nhung.

- Đọc lại xem nào, Trường Sơn đề nghị, nhưng rồi chính anh ta đọc, hơn thế, ngâm chứ không phải đọc:

Ông Khai mở tiệc

Sơn hải, đủ mùi

Ca hát vui tươi

Hồng Hà đổ rượu

Lộc nhung rượu cúc

- Tốt lắm, Việt Nhân khen. Không phải dễ làm được như thế đâu nha các tía nội. Phải dính lại như keo sơn mới được. Bời rời như cơm nguội mắc mưa thì không xong. Về kỹ thuật thơ cũng ổn lắm. Câu đầu khai phá. Bốn câu sau, đi vào chi tiết. Thoạt tiên tả tổng quát là Sơn hải đủ mùi. Rồi thì tả khí hậu bằng hai câu Ca hát vui tươi - Hồng hà đổ rượu. Câu thứ năm bắt đầu chi tiết và tả rượu trước hết, đối với tụi mình, món rượu là món chánh.

Tên của người cả bốn bàn đều được xướng lên, và bài thơ này, dài ít lắm cũng đượ 40 câu. Nhưng thuật giả không nhớ hết vì một phần tư thế kỷ đã qua rồi, thì còn làm sao để nhớ đủ cho được. Tôi chỉ cố nhớ được đến câu thơ thứ sáu thôi. Câu đó là "Bổ thận tráng dương". Dương là tên của một thực khách, do ai đó, xướng lên.

Và đây là sáu câu dựng lại được hôm nay:

Ông Khai mở tiệc

Sơn hải, đủ mùi

Ca hát vui tươi

Hồng Hà đổ rượu

Lộc nhung rượu cúc

Bổ thận tráng dương

Các cụ hay nói đến sự kiện xuất khẩu thành thi, nhưng không ai tin. Mà quả có thật đó các bạn ạ, như ta vừa thấy. Có người lại nói: "Thơ hay hay dở, nào phải do làm nhanh.hay chậm." Đành vậy, nhưng đây chỉ là một trò chơi, chứ không phải là văn thơ thật sự. Trò chơi này, rất tao nhã và rất khó chơi: Ai chơi được, ta nên khen họ, đừng làm bộ lên mặt thầy, chê thơ hay, thơ dở. Đã bảo, chỉ là một trò chơi thôi, và ta nên nhìn nó dưới khía cạnh một trò chơi là đủ rồi.

Đời. Số 46, tháng 10.1986

Tình 30 năm

Cuộc đời tan hợp có ai ngờ
Mới đó mà thành những chuyện xưa !
Tha thiết nghĩ vì chưa thấy đủ
Nhớ thương gửi mấy cũng không vừa
Câu thơ vẫn chứa bao niềm hận
Dòng nhạc còn nguyên những phiếm thơ
Em phải là em ngày tháng cũ ?
Gặp nhau lại cứ tưởng là mơ

Gặp nhau lại cứ tưởng là mơ
Chưa dứt làm sao nỗi lại tơ ?
Dâu bể nhiều phen còn thấy rộn
Thăng trầm đến thế vẫn chưa vừa
Em về có nhớ chẳng ngày ấy ?
Anh há không buồn những chuyện xưa ?
Ai biết rằng đây rằng đấy nhỉ ?
Trông mong gì nữa có đâu ngờ !

Trông mong gì nữa có đâu ngờ !
Mái tóc đen huyền mái tóc xưa
Tâm sự viết ra nghe vẫn thiếu
Người thơ tả lại viết sao vừa
Về già cánh bướm chưa quên sắc
Đến thác con tằm vẫn nhả tơ
Em ạ ! Tình say ngày tháng cũ
Gửi cho ai nữa những cơn mơ ?

Gửi cho ai nữa những cơn mơ ?
Nào nuốt làm sao mấy tiếng tơ
Dân chủ bao lần xây chưa được
Di cư hai bận cũng là vừa
Đàn vùi tơ lạnh rung tình cũ
Đêm thức canh dài chép chuyện xưa
Tan hợp té ra là số mệnh
Gặp nhau thật khó có ai ngờ !

Gặp nhau!thật khó có ai ngờ !
Em vẫn người xưa vẫn mộng xưa
Đất tạm bơ vơ thường khó tính
Quê người lặn đạn biết đâu vừa
Thôi thì cánh bướm thì phô sắc
Lại vẫn thân tằm vẫn nhả tơ
Em có bao giờ trông trở lại
Cuộc đời nào khác những cơn mơ !

Cuộc đời nào khác những cơn mơ !
Tha thiết đàn ai mấy tiếng tơ
Cung bậc mang mang thương nhớ đủ
Câu ca điệp điệp ước mong vừa
Anh đâu quên được tình khi ấy
Em vẫn đau hoài chuyện thuở xưa
Tám hướng mười phương giờ nghĩ lại
Hôm nay gặp gỡ có đâu ngờ

Thật chẳng làm sao có thể ngờ !
Còn đây còn những chuyện năm xưa
Khúc ca ân ái nghe chưa đủ
Tiếng hát si mê kể chẳng vừa
Tưởng nhớ bay về nhiều tháng cũ
Lòng riêng rung mãi những giây tơ
Còn gì ? Còn chút duyên năm cũ
Chưa hẳn đời toàn những giấc mơ

Chưa hẳn đời toàn những giấc mơ
Trêu nhau thôi lại mấy đường tơ
Bún bò một bát ăn vừa đủ
Nước ngọt vài ly uống cũng vừa
Thêm giận, thêm hờn tình lúc trước
Để buồn để nhớ chuyện năm xưa
Anh còn thư gửi câu tâm sự
Lại tấm lòng son thật chẳng ngờ

Lại tấm lòng son thật chẳng ngờ
Cùng nhau nhắc lại chuyện xa xưa
Nếu như nhiều lúc còn như tỉnh
Thì cũng đôi khi thật cũng vừa
Em bấm cung đàn gảy khúc nhạc
Anh so bản cũ nào đường tơ !
Họp nhau ngồi lại chung bàn tiệc
Để thấy đời đâu phải giấc mơ !

Để thấy đời đâu phải giấc mơ !
Chúng ta còn mãi đoạn đường tơ
Tình yêu thuở ấy như còn thiếu
Cuộc gặp hôm nay kẻ cũng vừa
Nói có ích gì lòng buổi trước

Khắc làm gì nữa chuyện ngày xưa
Thôi thì hai kẻ nay đầu bạc
Mới biết thời gian thật bất ngờ

Những chuyện vui với bác Hà Thượng Nhân Đoàn Thanh Liêm

Tôi định cư tại Nam California, nhưng hay có dịp lên San Jose, thăm con gái và cháu ngoại. Và cả mấy anh chị em của má bầy trẻ nữa. Mỗi năm, ít nhất cũng 5-7 lần tôi đi tới miền Trung lũng Hoa vàng rất là thơ mộng này. Ngoài chuyện gia đình, tôi còn hay gặp gỡ trao đổi với các bạn đồng nghiệp xưa trong Luật sư đoàn Saigon trước 1975. Và cũng được nhiều dịp tham gia sinh hoạt về văn học nghệ thuật, cũng như về chính trị với bà con tại miền Bắc Cali này.

Trong số các huynh trưởng về báo chí, văn nghệ tại San Jose, tôi thường hay gặp gỡ thăm viếng với nhà thơ Hà Thượng Nhân và nhà báo Sơn Điền Nguyễn Việt Khánh. Bác Hà đã tới tuổi chín mươi, còn bác Sơn Điền thì cũng sắp sửa bước vào lớp “cửu thập” nữa rồi.

Cả hai bác đều có tuổi lớn hơn tôi đến trên một con giáp, nên tôi quý trọng các bác như người anh lớn trong gia đình mình vậy.

Cách đây 6-7 năm, anh Luật sư Nguyễn Hữu Thống có tổ chức tại tư gia một buổi Gặp mặt thân tình thật ý nghĩa, với hai bác Hà và Sơn Điền cùng với LSThống là ba người mà đã khởi sự cầm cây viết trên 50 năm rồi. Mỗi người mỗi về, đều đã đóng góp đáng kể cho sự nghiệp văn hoá ở Việt nam trước đây và tại hải ngoại hiện nay.

Riêng với bác Hà, người mà hay được các văn thi hữu âu yếm gọi là “Hà chưởng môn”, ngụ ý coi bác là vị đầu đàn trong làng văn chương thi phú tại địa phương miền Bắc Cali, thì tôi có rất nhiều kỷ niệm vui vui, ngộ nghĩnh với bác. Nay nhân dịp cuối năm, xin cho tôi được ghi lại một số chuyện đáng nhớ giữa bác và tôi là kẻ hậu sinh nhé. Hồi còn ở Việt nam, thì tôi chưa bao giờ có dịp trực tiếp gặp bác, mà chỉ hay đọc thơ văn của bác đăng tải khá thường xuyên trên báo chí, hoặc được nghe một số bạn bè kể chuyện về nhà thơ nổi danh này. Và mãi tới sau khi qua định cư ở Mỹ từ 1996, thì tôi mới có duyên gặp gỡ với bác, mà là gặp rất thường xuyên nữa cơ chứ.

Nhà bác Hà ở gần khu nhà của lũ con cháu tôi, nên rất thuận tiện cho tôi đến thăm viếng và trao đổi chuyện trò tâm sự với bác là một người khá thông thuộc về chuyện “Người và Việc” ở nước ta từ trên 70 năm nay, ngay cả từ thời Pháp thuộc trước năm 1945. Nói chuyện với bác, thì đối với tôi không bao giờ lại có thể cạn đề tài được. Nhất là khi cần phải tìm hiểu về một nhân vật người Việt nào trong thế kỷ XX, dù là thuộc giới văn học hay chính trị, thì thường là bác biết rõ rệt và chính xác về những chuyện liên hệ đến nhân vật đó. Qua nhiều năm tháng trao đổi với bác, tôi có ý kiến là : Riêng về mục “Giai thoại văn học và chính trị ở Việt nam, thì nên có một vài người tìm cách ghi chép và xếp loại những câu chuyện bác kể; xong rồi thì có thể phổ biến xuất bản dưới dạng “lich sử khẩu thuật” (Oral History), như người Mỹ hay làm từ mấy chục năm nay. Có thể coi bác là thứ “Tự điển bách khoa sống động” (Encyclopedie vivante, như người Pháp thường nói) về tiểu sử các nhân vật ở Việt nam trong hậu bán thế kỷ XX.

Đó là chuyện lớn lao, vì sẽ đóng góp rất hữu ích cho việc tìm hiểu lịch sử hiện đại của Việt nam, đặc biệt là của miền Nam VN trong 20 năm, dưới chế độ Đệ nhất và Đệ nhị Cộng hòa.

Riêng tôi ở đây, thì chỉ xin kể lại một vài chuyện nho nhỏ, riêng tư giữa bác và tôi thôi. Trước hết là chuyện có liên hệ với nhà thơ Hữu Loan, tác giả bài thơ nổi danh một thời, đó là bài “Mẫu tím hoa sim”. Vào năm 1988-89, tôi hay có dịp dẫn anh Hữu Loan đi chơi đây đó ở Saigon và vùng lân cận, đặc biệt là đi thăm khu Đức Hòa Long An hồi xưa, vào khoảng trên 1500 năm trước, thì đã là thủ phủ của vương quốc Óc Eo Phù Nam. Mà Hữu Loan với Hà Thượng Nhân thì là bạn cùng quê, cùng lứa tuổi tại miền Thanh Hóa với nhau. Hai người thân thiết với nhau từ thuở hàn vi trước năm 1945 ở miền quê, nên vẫn xưng “Mày-Tao” mỗi khi chuyện trò với nhau.

Bác Hà có lần kể với tôi : Ông bạn có biết không, vì ông mà Hữu Loan nó mắng chửi tôi đến là nặng lời. Hồi tôi mới đi tù về, hãy còn đau bệnh nhiều, thì Hữu Loan vào thăm và ở tại nhà tôi tháng này qua tháng khác, vì chúng tôi là bạn nối khố bao nhiêu năm với nhau, gọi nhau bằng mày/tao. Có lần Hữu Loan hỏi tôi : Mày có biết ông Luật sư Đoàn Thanh Liêm không? Tôi đáp : Tao chưa bao giờ biết đến cái ông này. Thế ông ta bao nhiêu tuổi? Hữu Loan đáp : Ông ta cỡ ngoài 50, vào khoảng 54-55. Tôi nói : Rồi ràng là tao chưa gặp và cũng không nghe ai nói về ông này trước 1975. Hữu Loan quạt tôi luôn: Thế mày có biết Nguyễn Đình Thuần không? Tôi đáp : Dĩ nhiên là tao phải biết

ông Thuần, ông ấy là Bộ trưởng là cấp trên của tao mà. Hữu Loan cũng không vừa : A, thế ra là mày chỉ biết đến các quan trên thôi, chứ đâu có thèm chú ý gì đến giới trí thức mà ở ngoài chính quyền. Mày chỉ đi theo giới quan lại, chứ đâu thèm ngó ngang gì đến dân gian... Đấy, ông coi Hữu Loan nó nặng lời với tôi thế đó!! Mà cũng chỉ vì tôi chưa có dịp gặp ông hồi trước 1975, chứ nào tôi có làm điều chi xằng bậy đâu.

Có lần tôi kể với bác Hà rằng : Người thẩm vấn tôi suốt 3 tháng trời liên tục, hồi tôi mới bị bắt vào đầu năm 1990, đó là Đại tá Quang Minh, tức Ngô Văn Dần. Ông này hơn tôi 11 tuổi, đã theo cộng sản từ trước 1945, và lúc đó mang quân hàm Đại tá, phụ trách về Phản gián ở phía miền Nam. Bác nói luôn : Ông Dần này thua tôi 4-5 tuổi, là con một gia đình có thế giá trong vùng quê tôi mà. Tôi nói : Ông ta đối xử với tôi phải chăng, chứ không đến nỗi tệ như mấy anh cán bộ công an khác. Bác nói : Dầu sao, với gốc gác gia thế như vậy, anh ta dù có theo cộng sản, thì cũng không thể là người độc ác, tàn bạo như phần đông bọn cán bộ cuồng tín khác được.

Và đây nữa là một chuyện có liên quan đến anh Vũ Ngọc Trân, thân phụ của nhạc sĩ Trường Kỳ. Anh Trân làm việc lâu năm cho một văn phòng luật sư ở Saigon, nên chúng tôi quen biết nhau từ trước 1975. Chúng tôi hay gặp nhau để hàn huyên tâm sự, vì hồi đó đâu còn ai có thể hành nghề được nữa. Có lần vào hồi cuối năm 1989, anh Trân cho tôi mượn cuốn sách "Hồi ký" của Raymond Aron, bản nguyên văn tiếng Pháp nhan đề là : "Memoires : Cinquante ans de Reflexion politique" (Năm mươi năm suy ngẫm chính trị). Sách in khổ nhỏ, bìa giấy thường (loại paperback như của Mỹ). Đặc biệt ở trang đầu là lời đề tặng của một người Pháp, mà gặp gỡ một người Việt nam trên chuyến xe lửa Saigon-Hanoi. Và chủ nhân vì có cảm tình với "người bạn đồng hành này", nên đã ký tặng cuốn sách anh ta mang theo để đọc khi đi du lịch. Là người đã học theo bậc sư phụ Raymond Aron từ lâu năm, mà nay được anh Trân cho mượn cuốn Hồi ký hiếm có này ở Việt nam, nên tôi đã say mê, miệt mài lao vào việc đọc cuốn sách, suốt cả tháng trời.

Vào đầu năm 1990, khi tôi chưa kịp trả lại anh Trân cuốn sách này, thì tôi bị công an đón bắt tôi tại phi trường Đà Nẵng và giải giao ngay về lại Saigon. Ở trong tù, mỗi khi nhớ đến cuốn sách, thì tôi cứ ân hận là đã không kịp trả lại cho anh Trân, nên chắc chắn là sách đó sẽ bị thất lạc. Thật tôi đã có lỗi với anh Trân. Đến khi tôi nói chuyện này với bác Hà, thì bác nói ngay : "Cuốn sách đó là của người Pháp cho tôi, lúc cùng gặp nhau trên toa xe lửa từ Saigon ra Hanoi. Anh bạn trẻ này đi du lịch và sau khi chuyện trò với tôi, thì anh ấy có cảm tình và tặng ngay cho tôi cuốn sách anh đang đọc dở. Tôi đọc xong, thì cho anh Trân mượn. Và không ngờ cuốn sách đó đã vào tay ông, do anh Trân cho mượn. Thật là sự trùng hợp hy hữu, ông Luật sư Liêm lại thêm có duyên với tôi, vì cả ông và tôi đều say mê đọc các tác phẩm của vị đại sư Raymond Aron..."

Thế vậy đó, trong suốt mười năm nay, bác Hà và tôi hay gặp gỡ và chuyện trò rất tâm đắc, về đủ mọi thứ chuyện này chuyện nọ. Phải nói là tôi rất quý trọng bác vì tính tình bao dung, phóng khoáng, luôn giữ được sự chừng mực, khiêm tốn, nhã nhặn. Bác hay tâm sự với tôi : "Quả đúng như cổ nhân thường nói " *Hậu sinh khả úy*", tôi đi dạy học đã trên 60 năm, mà nhiều học trò của tôi đã rất thành đạt về nhiều phương diện, cả về tài năng, cả về đức độ..."

Tôi cũng có quen biết mấy người bạn mà đã từng theo học với thầy giáo Phạm Xuân Ninh (tên thật của nhà thơ Hà Thượng Nhân) từ trên 50 năm trước ở ngoài Bắc, và ai nấy đều quý mến bác. Cụ thể như tại miền Nam California, thì có anh Nguyễn Văn Huệ, cựu nghị sĩ trước 1975, anh Đinh Hồng Phong là thân phụ của giáo sư Đinh Việt, một luật gia nổi tiếng đã từng là Phụ tá Tổng trưởng Tư pháp Hoa Kỳ.

Tại Philadelphia, thì có anh Vũ Quý Thế từng làm việc cho Sở Xã hội Tiểu bang Pennsylvania... Còn rất nhiều bạn khác, tuy không học với bác, nhưng đã từng làm việc chung với bác như nhà biên khảo Minh Võ Vũ Đức Minh, nhà văn Trần Phong Vũ, nhà báo Vũ Thụy Hoàng v.v... Và tất cả đều quý trọng bác Hà, và chính bác cũng luôn giữ được mối thâm tình, đằm thắm với mọi người, mà đã có thời cùng chia sẻ công việc với bác hồi trước 1975.

Thế hệ đàn anh chúng ta mà có được những người trầm tĩnh, khôn ngoan chung thủy như bác Hà Thượng Nhân, thì tôi nghĩ chúng ta không đến nỗi bị quan, yếm thế quá mức đâu. Riêng cá nhân

tôi, thì tôi học hỏi được ở bác rất nhiều, cả về kiến thức và cả về đức độ của người sĩ phu quân tử, theo truyền thống của cha ông chúng ta. Tôi khỏi phải nói về tài năng thơ phú của nhà thơ, bởi vì đã có quá nhiều người trong giới văn học viết về sự nghiệp văn chương của bác rồi. Bài này chỉ là vài nét chấm phá về một con người phúc hậu, ung dung tử tế giữa cái thời loạn lạc nhiều nhưng ở nước ta từ mấy chục năm qua.

Bác đã tới tuổi 90 mà vẫn còn minh mẫn, tinh tường. Tôi xin cầu chúc bác sống thêm nhiều năm nữa, để còn tiếp tục đóng góp cho quê hương đất nước, bằng chính cái nhân cách trong sáng, cái lối sống an nhiên, thư thái của bác như từ xưa đến ngày nay. Rõ ràng là bác đã nêu một tấm gương tốt đẹp cho lớp hậu sinh như tôi noi theo, như người xưa thường nói : “Dĩ thân nhi giáo” vậy. Xin cảm ơn bác rất nhiều./

California, Mùa Thu Mậu Tý 2008
Đàn Thanh Liêm

Nhà thơ không có tác phẩm Gia Chi, San Jose

Có một chàng Thi sĩ miền quê ... (Phạm Duy)
Những mái đầu cất cao, không một lời than thở. (HTN)

Quả thực bác này đúng là chàng thi sĩ miền quê. Nếu hơn 15 năm trước, khi bác mới được HO qua Mỹ, làng văn thơ hải ngoại mời bác làm chủ tịch Văn bút Việt Nam Tự do thì chắc hẳn ai cũng cho là rất xứng đáng. Ấy vậy mà, bác lại không đủ điều kiện để nộp đơn xin vào làm hội viên bình thường của văn bút Việt Nam hải ngoại. Bởi vì dù là tác giả của hàng ngàn bài thơ nhưng chưa bao giờ ông có được một tác phẩm thi ca. Chàng thi sĩ ở San Jose của chúng tôi là người Thanh Hóa, quê làng Hà Thượng, sinh năm 1919. Khi đệ nhị thế chiến chấm dứt (39- 45) ông bắt đầu làm báo và theo kháng chiến suốt 7 năm. Đó là thời kỳ bài ca Tuổi Vàng của Phạm Duy gọi lên hồn nước làm rung động toàn thể thanh thiếu niên Việt Nam.

“Một mùa thu năm qua, cách mạng tiến ra

Thời kỳ đó có lần làng Bình Hải, huyện Yên Mô tổ chức đón các đại biểu liên khu về hội họp. Những cậu bé trong đoàn thiếu niên Kim Đồng của Hà Nam Ninh chúng tôi hết lòng sùng kính các anh từ liên khu Thanh Nghệ Tĩnh về nói chuyện. Gia đình tôi từ Nam Định tản cư về Yên Mô, Ninh Bình. Từ miền Hoa Lư, đường vào xứ Nghệ phải qua Thanh Hóa với cây cầu Hàm Rồng đầy huyền thoại. Các anh từ khu Tư nổi tiếng về nói chuyện tại đình làng Bình Hải. Năm đó, tuổi 15 tôi đứng dựa cột đình. Dường như chàng thi sĩ làng Hà Thượng cũng có mặt trong vai trò cán bộ văn hóa quan trọng của kháng chiến. Phần văn nghệ có cả cô bé Thái Thanh tham dự hát bài chữ I chữ Tờ.

Hơn 60 năm sau, bây giờ 2010, tại San Jose tôi xin gửi đến các bạn bài viết về Trung Tá Phạm Xuân Ninh, tức là nhà thơ Hà Thượng Nhân, người Thanh Hóa.

Một đời văn nghệ.

Có thể nói suốt đời bác Ninh là một đời văn nghệ. Đi lính từ đại úy đến Trung Tá nhưng ông không hề liên quan gì đến quân trường và súng đạn. Làm chủ nhiệm báo Tiền Tuyến nhưng

chàng luôn luôn ở hậu phương. Cuộc đời của ông tất cả là bằng hữu và thơ phú. Năm 1935, cậu Ninh 16 tuổi đã có dịp dự cuộc thi thơ với các bậc tiền bối và đoạt giải với bài Trăng Thu.
*“Sương mỏng manh, canh vắng lặng tờ
Buồn xưa nao động mấy vần thơ.....”*

Quả thực bài thơ trúng giải của cậu thư sinh đã làm nao động cả hội thơ Vỹ Dạ thừa xưa. Trải qua 7 năm theo kháng chiến, năm 1952 ông về thành và 1954 ông di cư vào Nam. Do nhu cầu của Tâm lý chiến miền Nam và do thân hữu đề cử, thủ tướng Ngô Đình Diệm ký lệnh cho me xứ Phạm Xuân Ninh đặc cách mang cấp đại úy trừ bị. Đây là cấp bậc theo quy chế đồng hóa thuộc bộ quốc phòng. Sau đó ông được đề nghị thăng cấp thiếu tá và trung tá. Suốt 21 năm ông làm việc tại tổng cục chiến tranh chính trị. Sau 75 ông đi tù tập trung cải tạo từ Nam ra Bắc và từ Bắc vào Nam. Sau cùng HO qua định cư tại San Jose. Anh em văn nghệ cao niên chúng tôi tại San Jose thường ghi nhận rằng cuộc đời tù hoa niên, binh nghiệp, tù đầy, tỵ nạn và định cư trải qua các giai đoạn chính như sau. Dĩ nhiên cũng có người đi theo thứ tự, có người đặc cách khác anh em. Sau đây là các dấu mốc
1) Sinh quán, sinh nhật 2) Trường học và quân trường 3) Trại binh, trại gia binh, trại tù, trại tỵ nạn 4) Nhà tạm trú, nhà housing, nhà trả góp, nhà mobil, và nhà dưỡng lão.
Anh bạn cùng khóa Cương quyết II Thủ Đức của tôi là trung tá lực lượng đặc biệt Đỗ Hữu Nhơn đã có lần còn nhắc đến chuyện *nhà quản từ Down Hill cho đến Oak Hill*. Riêng phần các bác, xin cứ ghi nhận và xem lại để thấy rằng mình đang ở giai đoạn nào và đã đặc cách vượt cấp ra sao.
Sau đây là bài thơ cuộc đời bằng Anh Ngữ.

....

Và cuộc đời bác Ninh của chúng tôi hiện ở giai đoạn hết sức hoang hân. Ông đang được điều trị tại khu dưỡng lão Willow Glen, San Jose. Chàng vốn không có tên trong các hội ái hữu quân trường dù là Đồng Đế, Thủ Đức hay Đà Lạt. Cũng chẳng phải là thành viên của các quân binh chủng bay bướm oai hùng. Ở đây hội ái hữu đồng hương chẳng thiếu địa danh nào nhưng lại chẳng hề có hội đồng hương Thanh Hóa. Nhưng bằng hữu thơ văn thì ai mà chẳng biết Hà Thượng Nhân. Đặc biệt ông bạn tù là nhà thơ Nguyễn Đình Tạo, quê làng Đông Anh sớm tới vào thăm bác Ninh. Bác Đông Anh hiện nay là người điều hợp thi đàn Lạc Việt, có bạn Chinh Nguyên làm tổng thư ký. Hội ta vẫn thường trực chuyên chở bác hội viên cố vấn Hà Thượng Nhân. Vì vậy chàng thi sĩ của chúng ta đã từng viết câu thơ mãi mãi tràn đầy tình nghĩa... *“Ta từ có bạn đến giờ, lời thơ lại bỗng bất ngờ thành vui....”*

Những bài thơ...

Nếu đem in những bài thơ của thi sĩ người làng Hà Thượng thì xoàng ra cũng có được năm bảy tác phẩm. Thực ra với nhiều bút hiệu khác nhau, bác Phạm Xuân Ninh đã từng soạn nhiều tài liệu nghiên cứu do Nha chiến tranh Tâm lý xuất bản. Tuy nhiên, đây chỉ là sáng tác thuộc về lãnh vực nghiên cứu của một công chức quốc gia. Còn những vần thơ gan ruột của thi nhân, những bài thơ về tình yêu của nhà thơ thì chưa bao giờ in thành sách.
Ông đã từng viết !
*“Ta có một tình yêu, bao la như trời đất.
Ta viết vào trang Thơ, Tình yêu ta không mất.”*

Và mục đích của cuộc đời được ghi lại.
*“Sống chỉ lấy cái tâm làm trọng.
Gửi ngàn sau mấy giọng tiêu giao.”*

Trong số hàng ngàn bài thơ của thi nhân tôi thích nhất những bài thơ ông làm trong thời gian ở tù. Trong hàng trăm bài thơ tù, tôi ghi nhận có 3 bài hết sức rung động. Xin giới thiệu bài Thấp sáng. Xin các bác lưu ý. Mỗi câu thơ đều là một lời kinh đấu tranh. Mỗi câu thơ đều có thể đặt tựa cho cả bài thơ. Bài thơ ngũ ngôn, một sở trường của tác giả như sau :

“ Thấp sáng muôn vì sao”

Nếu như không đau khổ. Làm sao biết cảm hờn. Càng muôn trùng sóng gió. Tay chèo càng vững hơn. Chúng ta cùng có nhau. Nhìn nhau vui hơn hờ. Trên luống cày khổ đau. Hoa Tự do vẫn nở Những mái đầu cất cao. Không một lời than thở

Tác giả chỉ giải thích lòng cảm hờn bắt nguồn từ thân tù đầy oan trái, tuy nhiên, như lời thơ đã viết, tác giả không nuôi dưỡng cảm hờn. Chỉ là :

“ Những mái đầu cất cao, không một lời than thở.

Nhưng có 2 bài thơ trong tù tràn ngập yêu thương xin gửi đến các bác đọc lại thật rõ từng lời để cùng rung động với tác giả.

Năm 1975 mới vào tù, ông làm bài Mưa buồn trong trại Long Giao trong lòng đất quê hương miền Nam. Năm 1978 sau khi bị đưa ra đất Bắc ông làm bài Cỏ biếc, vào lúc tác giả chuyển trại từ Thác Bà, Yên Bái về Thanh Chương, Nghệ Tĩnh. Đây là lời thơ của bài Mưa Buồn Long Giao. Xin hãy nhớ cho, tác giả làm bài thơ này vào thời gian sau tháng 4-75. Người tù già ngồi nghe mưa miền Nam tại Long Giao.

Ở ngũ ngôn tứ tuyệt đoạn cuối, tác giả dùng chữ nẻo cụt chỉ bước đường cùng, tưởng là giấc mơ, tưởng chỉ là cơn ác mộng, hút thuốc thuốc lào, hỏi lòng mình đã say chưa.

Mưa buồn Long Giao

Trời có điều chi buồn ? Mà trời mưa mãi thế !
Cây cỏ có chi buồn ? Mà cỏ cây ứa lệ !
Anh nhớ em từng phút, Anh thương con từng giây.
Chim nào không có cánh, Cánh nào không thềm bay.
Người nào không có lòng, Lòng nào không ngất ngây.
Gửi làm sao nỗi nhớ, Trao làm sao niềm thương.
Nhớ thương như trời đất, Trời đất vốn vô thương.
Ngày xưa chim Hồng học, Vượt chín tầng mây cao,
Ngày xưa khắp năm Châu, Bước chân coi nhỏ hẹp,
Bây giờ giữa Long Giao, Ngồi nghe mưa sùi sụt,
Cuộc đời như chiêm bao. Có hay không nẻo cụt,
Anh châm thuốc thuốc lào, Minh say, mình say sao !!
(Trại tù cải tạo Long giao 1975)

Và sau cùng là bài Cỏ Biếc làm trong trại tù nơi quê hương của tác giả, miền khu 4 , Thanh Nghệ Tĩnh ngày xưa:

Xin làm cỏ biếc

Anh cầm tay em, Bàn tay khô héo. Anh nhìn mắt em, Gió lùa lạnh lẽo. Anh nhìn lòng mình, Mùa Đông mông mênh. Cỏ non mùa Xuân, Còn vương dấu chân. Trăng non mùa Hạ, Ướt đôi vai trần. Có xa không nhỉ? Ngày xưa thật gần. Thời gian ! Thời gian! Em vẫn là em...Nụ cười rạng rỡ, Ngày nào vừa quen, Mai đưa em về, Xin làm cỏ biếc, Vương chân em đi. Xin làm giọt mưa,

Mưa giầm rừng rúc. Trên vai người yêu, Sài Gòn! Sài Gòn! Không là quê hương,
Mà sao mình nhớ, Mà sao mình thương...

(Ngày từ trại Thác Bà, Yên Bái về trại 6
Thanh Chương Nghệ Tĩnh 1978)

Ngày nay, tại hải ngoại có biết bao nhiêu Little Saigon. Có bao nhiêu người đã tranh đấu cho
tên gọi thành phố Saigon. Nhưng có ai yêu Saigon hơn được người thi sĩ Thanh Hóa.
Saigon Saigon, không là quê hương.
Mà sao mình nhớ, mà sao mình thương.

Gửi ông bạn già.

Bác Hà Thượng Nhân, tôi chưa biết ông 60 năm về trước. Hồi 70 Saigon tôi cũng không quen
bác. Bác HO về San Jose, mới biết bác qua bạn Đông Anh. Năm xưa, chúng tôi mời bác lên
sân khấu nhận giải sự nghiệp một đời của tiểu bang California. Bác chiều lòng anh em mà lên
nhận bằng tuyên dương, tôi biết bác đâu có quan tâm gì những vinh quang phù phiếm đó. Tấm
lòng bác đôn hậu, tinh thần bác an nhiên.

*“ Chẳng cầu cạnh, chẳng ưu phiền,
Miễn sao lòng cứ an nhiên là mừng.”*

Năm nay bác đã ngoài 90. Tuy không còn hút thuốc Lào nhưng đang trải qua giai đoạn khi tỉnh
khi mê. Lúc quên lúc nhớ. Khi tỉnh bác làm thơ hay. Khi say thơ vẫn còn hồn. Lúc trẻ lời thơ đã
uyên bác. Khi về già thơ vẫn còn tinh tú.

Bác phê bình Giao Chỉ viết văn như bở củi. Hết bó này đến bó khác. Mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi
tháng, mỗi năm.

Hôm nay gặp bó củi cao niên, tôi xin tiếp tục làm công tác bở củi. Chê thật nhỏ ra làm đóm để
bác châm lửa hút lại điếu thuốc Lào.

Tôi có lần hỏi tuổi bác, bác trả lời 9 chục. Rồi nói tiếp :

“Mình cũng không biết tại sao lại sống lâu như vậy”.

Tôi nói rằng :

“Tại bác sống đời thi sĩ. *Sống bên cạnh cuộc đời. Tại bác không sống tỉnh. Bác sống say say.*

Bác tự hỏi lòng :

“ *Mình say sao ?*

Bác say thật rồi. Một đời sung sướng. Một cuộc sống tuyệt vời. Bác thuộc về một số rất ít.
Những mái đầu cất cao, không một lời than thở.

Phụ đính :

Thơ say / sầu say

Khó đem bút mực làm giông tố,
Trải rộng lòng say một tối say,
Rượu uống tưởng ai mời đắm đuối
Tưởng đâu trời rộng cánh chim bay.
Ta ơi ! Tri kỷ ngàn năm cách, ...
Chưa đủ vui trong một chén đầy!
Chưa đủ cho mình lau nước mắt,

Rằng em sợi nhớ tóc như mây.
Đâu còn những lối hoa đào nở,
Thôi Hộ tìm chi những chốn này?
Mặt ngọc đã không còn trước cửa,
Sao thơm màu má thuở thơ ngây?
Ca Dao mẹ hát lưng chừng giấc,
Em hứng mùa Thu lạnh tối nay!

(San Jose, Sơ Thu 1998)

Tiền Xích Bích Phú

Thu Nhâm Tuất sau rằm tháng Bảy
Tô Đông Pha cùng mấy bạn chơi
theo dòng Xích Bích thuyền xuôi
Gió hiu hiu thổi, nước trời mênh mông
Hát ngao ít khúc vừa xong ...
Thoắt thoi trắng mọc xứ Đông bồi hồi
Móc trăng tỏa, nước trời bát ngát
Mặc con thuyền trôi dạt tự do
lướt trôi trong cõi hư vô
Bao la nào biết bến bờ là đâu ?
Tưởng mọc cánh bay vào tiên giới
Rượu mời nhau vui lại vui thêm
Khi vui say gỗ mạn thuyền
Hát rằng: “chèo quế, dầm lan bành bồng
Khuá sóng nước ngược dòng trăng sáng
Man mác thay là tấm tình thương
Hỡi ơi ! Người đẹp canh trường
Ngóng trông chỉ có một phương trời này.”
Khách thổi sáo theo bài họa lại
Tiếng náo nùng sầu tủi triền miên
Dư âm vọng mãi bên thuyền
Khiến thường luồng chốn đăm đen vẫy vùng
Lệ gái góa rơi trong lặng lẽ
Tô tử nghe kêu khê : “lạ chưa !”
Khách rằng trăng sáng, sao thưa
Quạ bay há chẳng là thơ họ Tào ?
Tây , Hạ khẩu nhìn vào thăm thẳm
Đông Vũ xương mấy dặm đường đi
Vời trông cây cối xanh rì
Chốn này Tháo bị khốn vì Chu Lang
Phá Kinh Châu, hạ Giang lăng
Xuôi dòng trống mở, cờ giăng rợp trời
Trước núi sông rót mời chén rượu
Tay cầm ngang ngọn giáo làm thơ
Anh hùng đã mấy ai chưa ?
Mà con người ấy bây giờ ở đâu ?
Tôi cùng bác giảng câu kiếm lá
Kết thân cùng tôm cá hươu nai

Cưỡi con thuyền nhỏ đông dài
Lại nâng chén rượu cùng mời mọc nhau
Chút thân hờ gửi vào trời đất
Nhỏ như là hạt thóc giữa khơi
Khá thương ngần ngủi cuộc đời
Khen cho sông nước đậm dài vô biên.
Đã chẳng thể đất tiên bay lượn
Lại khó ôm trăng mượn trường sinh
Biết thôi mình lại với mình
Vang thừa đàn gửi chút tình bi thương!
Ôi hỏi khách biết chẳng trăng nước ?
Nước có trôi nhưng thật không đi !
Trăng dù tròn khuyết từng khi,
Thủy chung cũng vẫn suy vi chút nào
Lấy biến đổi thấp cao mà xét
Thì cuộc đời chớp mắt cũng y
Lấy không biên đổi mà suy
Ta cùng vạn vật có gì mất đâu ?
Vả trong khoảng trời sâu đất rộng
Mọi vật đều có đáng chủ trương.
Nếu không phải của ta chẳng ?
Tơ hào ta cũng thừa rằng ta không .
Chỉ gió mát trên sông hây hây
Chỉ trăng trong giữa dãy non cao.
Tai nghe thành tiếng tiêu tao
Mắt trông thành sắc thành màu vui tươi
Lấy ai cấm ? Dùng thời chẳng hết
Kho trời cho không xiết bao la
Cũng là sở thích chúng ta
Vấy vũng trăng gió mới là thần tiên
Khách hờn hờ tay liền rửa chén
Rót rượu thêm, đồ nhắm không còn
Nhìn vào mâm bát ngồn ngang
Gối nhau quên cả phương Đông sáng rồi

(Hà Thượng Nhân dịch)

Xuân hành

Đường vẫn còn dài, núi vẫn cao
Tháng năm tù ngục buồn ôi chao!
Đậm về chưa hẳn là vô định
Mà chẳng về cho, biết tại sao?
Ai giam ta tháng ngày heo hút?
Ta nhớ ai tháng ngày lao đao?
Nước suối, khoai sắn chẳng no bụng
Chẳng nghe bên tai tiếng ngọt ngào
Chỉ nghe cầm thú đang réo gọi
Chỉ biết trăm họ đang khổ đau
Nhân danh đoàn kết gây chia rẽ

Không cần nội trị hay ngoại giao
Chỉ biết đầy dân như súc vật
Chỉ biết làm sao đạt yêu cầu
Nhân nghĩa chẳng thể bằng quyền lợi
Trời Phật cũng quy vào địa hào
Nhìn nhau kinh ngạc, ai còn mắt
Chẳng biết về đâu tới những đâu!
Mỗi đêm gục đầu thương vợ trẻ
Mà buồn trăng khuyết đĩa dầu hao
Mỗi đêm thương con trào nước mắt
Xưa nay mình vẫn khinh gian lao
Tự do dù vẫn trong tù ngục
Còn miệng làm sao không thét gào?
Còn tay làm sao không nắm chặt?
Còn chân làm sao khôn đi mau?
Còn tấm lòng này son sắt vậy
Tết về biết gửi gì cho nhau?
Gửi chung thiên hạ lời thăm hỏi
Sao vẫn thiên thu một chữ sầu?
Sao thơ chưa phải là thương nhớ
Sao nhớ thương này chất ngất cao?
Bạn về nhìn lại hành tinh biếc
Nghe lại rừng xuân gió rạt rào
Mừng thấy rằng mình còn vẫn trẻ
Mười năm đầy đọa có gì đâu!
Ta về lại ấm tình đồng đội
Nắm chặt bàn tay hải biết bao!
Ta về như trái cơn hồng thủy
Ngửa cổ nhìn trời rục rỡ sao
Mấy gã đầu bù trong quán cóc
Đạp bàn hào khí đã dâng cao
Chúng dù ác độc hơn lang sói
Tấm lòng sau trước chẳng vênh vao
Lại thấy mùa xuân như vậy gọi
Ý thiếp lòng chàng thật khít khao
Ba mươi năm đọc bài thơ cũ
Thơ của chúng mình xưa đấy sao?

Đoạn Trường Tân Thanh

Cứ xé mãi thơ rồi lại viết
Thơ nguyên xé nát, đêm thừa nguyên !
Một chữ nguyên đau như nổi nhớ
Đau tưởng đất trời cùng đảo điên.
Đêm thừa vì bởi đêm dài quá,
Mà tại làm sao thức sáng đêm ?
Người có biết: ngày xưa Lý Bạch,
Múa kiếm tự cho là Trích Tiên.
Nổi đau nào lại đau không dứt ?
Nổi nhớ nào đây nhớ chẳng cùng ?

Người hãy về chơi lại biển Đông,
Biển Đông sóng dậy, biển trùng trùng.
Chúng ta loài ốc ngoài khơi rộng,
Nuốt cả đại dương vào trong lòng.
Ốc vận mình đau đầu bể cũ,
Ta đau vì còn biết chờ mong.

Nếu chẳng có thơ, không cả nhạc,
Nếu như chỉ có tiền và bạc.
Người thử nghĩ xem cuộc đời này,
Còn có gì đâu mà khao khát ?

Người thử nghĩ xem không đau khổ
Không thương không ghét đừng dưng như...
Gỗ đá chắc đâu không tưởng nhớ,
Chắc đâu là thực chắc đâu hư ?
Người hãy làm thơ, hãy nhớ thương,
Hãy điên trong những phút vô thường.
Nếu ông Đỗ Phủ không đau khổ,
Để gì bây giờ còn văn chương ?

Ta thương người lắm, thương ta lắm,
Nên khúc Tân Thanh mới đoan trường !

Hành tuổi sáu mươi

Đời có còn chăng buổi Thịnh Đường?
Phé hưng bày mãi cảnh tang thương
Ta ngoài đất khách mưa sùi sụt
Thơm ngát mùa Thu dạ lý hương
Bỗng nhớ người thơ ngày tháng cũ
Cỏ hoa sao chẳng xóa biên cương ?
Cùng chung thời đại, chung oan khổ
Cùng bước chung trong một hý trường
Người nhớ những ai bằng hữu cũ
Ngàn phương ngoảnh lại vẫn đôi phương .
Ngày xưa ta với người không nói
Lịch sử soi vào những tấm gương
Rồi tưởng đâu mình người Chiến Quốc
Ngàn năm rút cục vẫn vô thường
Cũng là vô nghĩa lời chung thủy
Chờ đến ngày nào tóc điểm sương
Ngày ấy xa nhau ngàn vạn dặm
Mưa Thu ướt đẫm những canh trường
Người giờ bầy chực Tường Linh ạ !
Nhìn lại, thôi toàn chuyện âm ương
Ta đọc thơ người về hỏi lại
Ở đâu đã nhiều lại không nhượng ?
Nhiều nhượng thì cũng trò dẫu bề

Hỏi hết, làm sao biết tận tường ?
Họ Nguyễn núi Hồng bình cạn rượu
Gió Thu xào xạc mãi sau vườn
Người còn mở tiệc mừng sinh nhật
Ta thuở nào đây giữa đại dương
Duyên phận may sao còn gặp lại
Đời vẫn vui đâu nữa chán chường ?
Vẫn rượu vẫn thơ như thuở ấy
Con tầm đến thác nghiệp còn vương
Ta hơn người tính gần con giáp
Cũng bởi tài hoa mới đoạn trường
Rút cục chẳng qua là mộng cả
Mộng nào tỉnh giấc chẳng bi thương ?

Rừng phong đã mấy lần thay lá
Xóm cũ khi về loạn gió sương
Câu hỏi nửa chừng không kẻ giải
Chao ôi ! Trời đất lạnh mười phương
A ! “ Cổ Lai Hy ”, anh bạn cũ !
Hoa cau, hoa bưởi lạc mùi hương
Vợ con tấm cám còn no đủ
Thì quản gì đâu gió bụi đường
Miễn ngẩng nhìn lên không thấy thẹn
Đói nghèo là vẫn bạc hiền lương
Vẫn ta từ thuở trong tay mẹ
Cơm áo đôi khi dẫu thất thường
Nhưng vẫn vẫn thơ mình gửi lại
Gan bào ruột có nát như tương !

Khuya nay dưới ánh đèn hiu hắt
Ta đọc thơ người đứng trước gương
Xem ảnh Tường Linh ta mới thấy
Thương nhau trên những bước đường trường
Bảy mươi đã trải nhiều dâu bể
Hình như bất hoại chỉ kim cương
Hình như một chút tình xưa gửi
Đủ ấm lòng nhau nỗi đoạn đường
Nước mắt ta rơi đầy ngọn bút
Bao giờ mình trở lại Quê Hương ?

Bài ca tiễn người

1

Ngay từ nhỏ khi đọc thơ Trung Quốc,
Vẫn mơ hoài hàng liễu đất Tô Châu.
Mây trắng bay lớp lớp lạc về đâu ?
Ta cứ tưởng hoa đào ngàn dặm đỏ.

2

Ta cứ tưởng mùa Xuân nào Thôi Hộ,...
Tìm về thăm đã lạc bóng giai nhân.

Đứng bơ vơ không tìm thấy mùa Xuân !
Chuyện giản dị như nắng mưa sớm tối,

3

Mà làm sao bỗng dưng lòng bối rối,
Như là mình trong cảnh ngộ ai xưa !
Ta mơ hồ nhớ lại những chiều mưa,
Ai tiễn bạn trên bờ sông Dịch Thủy ?

4

Ta chợt nhớ đến bài ca Tận Tụy
Sở Bá Vương nghe tiếng sáo Trương Lương,
Cả ba quân ngơ ngẩn suốt canh trường
Những chuyện đó ta tìm trong sách vở

5

Nên vẫn ước : rồi một ngày nào đó
Mình sẽ về thăm lại nước Trung Hoa.
Chưa lần nào thấy nắng đổ chan hòa,
Trên ly rượu Tô Đông Pha đã uống.

6

Ta vẫn thấy trên trời cao đỏ xuống,
Sông Hoàng Hà soi kính tóc như tơ.
Ta bỗng nhiên lại nhớ đến bài thơ,
Tương Tiên Tửu ! Ngàn sau còn kẻ đọc.

7

Ồi Lý Bạch người không còn cô độc,
Chúng ta còn tri kỷ khắp muôn phương.
Đọc Nguyễn Du thấy sông nước Tiền Đường,
Những tên đất rất quen mà rất lạ.

8

Em hãy đến Hàn San chiều cuối Hạ,
Nghe tiếng chuông trên bến cũ Tần Hoài.
Quạ kêu sương, sương đổ mái hiên ngoài,
Chén rượu cạn trăng hạ huyền lạnh lẽo.

9

Em có thấy như một điều kỳ diệu,
Là tại sao mình lại đứng nơi đây ?
Sông Trường Giang nước mắt chứa chan đầy,
Em hãy đến trước đền thờ Tào Tháo.

10

Em hãy khóc một thời làm gió bão,
Ngàn năm sau nắm cỏ xác xơ buồn !
Em ơi em, nước cứ đổ về nguồn,
Ta vẫn cứ là ta ngày trẻ dại.

11

Em có biết Khổng Minh dân áo vải,
Chỉ nằm dài trên xó núi Nam Dương,
Mà dựng nên một sự nghiệp phi thường
Sông Xích Bích mùa Thu năm Nhâm Tuất

12

Trắng như mộng bốn bề xanh bát ngát,
Rượu và thơ rung động mãi lòng nhau.
Nghe em đi, anh bỗng tự dưng sầu,
Anh chợt nhớ tiếng chày xưa đập vải.

13

Những thiếu nữ dưới đêm sương mê mải,
Đến bây giờ còn nhớ gái Tây Thi.
Xứ của Liêu Trai, xứ của Hồ Ly,
Của nhóm Thất Hiền sống trên rừng trúc.

14

Cả của bọn giang hồ Lương Sơn Bạc,
Xứ của thi ca, xứ của Bạo Tàn,
Của những người hảo hán Mạnh Thường Quân.
Trăng vẫn chiếu trên Trường Thành đấy nhỉ ?

15

Tiếng Trụ Vương mê nụ cười Đắc Kỷ.
Đến mà xem lồng lộng bến Cô Tô,
Dù giai nhân đi du ngoạn Ngũ Hồ,
Chưa có cuộc tình nào hơn thế nữa !

16

Ôi Trung Quốc, ta chưa hề đến đó,
Mà thân quen như mảnh đất Quê Hương.
Nghe mùa Thu hiu hắt bến Tầm Dương,
Lệ Tư Mã đã đổ vì sơn phấn.

17

Em thử đến Đồng Tước đài một bận,
Thỏa những ngày nằm đọc truyện Chu Du.
Em có nghe Hồ Dzếnh nói Tô Châu,
Từng lớp lớp Phù Kiêu nằm băng lạnh.

18

Những cô gái cười như trăng chợt sáng,
Liều còn xanh trên những dặm đường dài?
Sen còn thơm như những bước chân ai,
Em có nhớ đường đi lên đất Thục ?

19

Em có gặp ngọn gió mùa Tây Vực,
Khi Lý Lăng nằm chết ở quê người ?

Về Thiên An thăm một chút em ơi !
Để thấy máu sinh viên đang réo gọi,

20

Chúng cấm nói nhưng sinh viên vẫn nói.
Đè tự do dưới xích sắt xe tăng,
Có còn chi ghê tởm nữa cho bằng ?
Ta muốn được cùng em vào tửu điểm,

21

Uống chén rượu hoàng hoa không dễ kiếm,
Đọc bài thơ Hoàng Hạc líu lo cười.
Muốn cùng em đi dạo khắp muôn nơi,
Vào thiên viện nghe hồi chuông đổ muộn.

22

Nghe sương sớm trên cành cây gió cuốn,
Chợt nhớ ra: mình đang ở Trung Hoa.
Sao văn chương toàn những chữ thiết tha,
Mà thù hận vẫn đầy trong sử sách ?

23

Sao đã có những người như Lý Bạch,
Lại còn sinh bọn quý dữ họ Mao ?
Gái Hàng Châu nghe nói mắt như sao,
Bom đạn vậy vẫn còn nguyên mới lạ.

24

Thế mới biết chỉ tình yêu, người ạ !
Chỉ tình yêu sống mãi với thời gian.
Chỉ thi ca truyền hơi thở nồng nàn,
Cho cuộc sống không còn gì tẻ nhạt.

25

Khi về nước, hãy ghé thăm Đà Lạt,
Giữ trong tà áo mỏng chút hương xưa.
Đứng trên đồi nhớ lại, dấu dư thừa,
Những sợi tóc ngày xưa không còn nữa.

(Men Thu)

Tiền người, ta khóc

Người về. Ta bỗng nghe đau nói
Xé nát từ đây một chữ tình
Xương máu chẳng hề vì lý tưởng
Mà là thiết thực chuyện mưu sinh

Người về để đối thù ra bạn
Tiếng thét người dân có bão bùng

Người ngoảnh mặt đi không biết đến
Mặc cho sóng gió bốn bề rung

Người về! Nơi đó là quê mẹ
Ta nhớ như nhau suốt cuộc đời
Quê mẹ bây giờ là xứ lạ
Lưu đày trên đất lạ mà chơi!

Người về. Như thế mà về được
Nếm miếng canh thừa liệu có chua?
Người vẫn đô la còn nặng túi
Việc gì chúng nó nở lòng xua?

Người về. Ta thực lòng thương hại
Tiếng Tự Do gào đã đứt hơi
Mảnh áo cà sa còn vấy máu
Làm sao có thể nói nên lời

Là sao dám viết cho dân tộc?
Chén rượu bên hè dưới ánh trăng
Có thẹn lời thề năm tháng cũ?
Có nghe tiếng ngựa hí âm vang?

Người về. Ta nói gì thêm nữa
Có nói càng thêm thấy bẽ bàng
Đào ngũ chẳng trong thời loạn lạc
Bây giờ lại trở lối sang ngang!

Ta thương thơ cũ người từng viết
Mới biết không đâu cũng đoạn trường
Trước mặt kẻ thù kêu bạn thiết
Nỡ nào ta viết chữ bi thương.

(2002)